

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sư N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bình

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Số
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cái

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

**QUÍ TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI
 CÔNG ĐỨC ĐÃ CUNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
 TRUNG ƯƠNG**

| | |
|---|-------|
| M. Đỗ văn Kim, phố nhà thương chữa mắt Hanoi | 3\$10 |
| M. Trần văn Tác, Phú thọ | 0.10 |
| M. Thành quang Bình, Phó Đại-biểu chi Hội Phật-giáo tỉnh Sơn tây | 10.00 |
| M. Ngô văn Toàn, Hanoi | 3.00 |
| M. Hoàng văn Hòa, Hanoi | 4.00 |
| M. Nguyễn văn Tùy, Hanoi | 1.00 |
| M. Nguyễn văn Tin, Hanoi | 0.20 |
| M. Nguyễn văn Chách, Hanoi | 0.50 |
| M. Đỗ văn Cầm, Hanoi | 0.50 |
| M. Đỗ văn Ban, Hanoi | 0.50 |
| M. Nguyễn văn An, Hanoi | 0.50 |
| M. Nguyễn đức Xuất, Hanoi | 1.00 |
| M. Nguyễn văn Chiêu, Hanoi | 1.00 |
| M. Đỗ văn Quý, Hanoi | 0.20 |
| Mme Đỗ thị Thiềm, Hanoi | 1.00 |
| M. Phùng văn Hoan, Hanoi | 1.00 |
| M. Dương văn Nhượng, Hanoi | 1.00 |
| M. Lưu văn Bền, Hanoi | 1.00 |
| M. Nguyễn văn Non, Hanoi | 0.10 |
| M. Nguyễn liêm Từ, Hanoi | 1.00 |
| M. Nguyễn văn Phương, Hanoi | 1.00 |
| M. Nguyễn văn Tiến, Hanoi | 1.00 |
| M. Trương văn Sinh, Hanoi | 0.30 |
| Cụ Mai Viên, Hanoi | 0.50 |
| M. Nguyễn phương Ngạn, Hanoi | 0.50 |
| M. Từ chúc Lập, Hanoi | 0.50 |

(còn nữa)

TÔN - GIÁO LUẬN

THƯA CÁC NGÀI :

Lần này là lần đầu tiên tôi lên diễn đàn, hầu tiếp các ngài về vấn đề Tôn - giáo. Vậy cũng không vội mang những giáo-lý trong đạo Phật ra phò bầy, hãy xin bình luận qua về hai chữ Tôn-giáo.

Thiết nghĩ rằng :

Các ngài ngồi đây, có người ở trong hội Chấn - Hưng Phật-Giáo, có người chưa vào hội, song nói chung một tiếng cũng đều là theo đạo Phật cả. Duy chỉ cái tư-tưởng tôn-giáo trong các ngài có khác nhau thôi, có người mãnh-liệt hành đạo, có người mờ yếu tin theo, lại có người chỉ là ngẫu-nhiên sinh ra ở một gia-đình đi Thích, rồi cứ thế mà lớn lên, tuy là người đi Thích, trong lòng thật chưa từng có một quan-niệm gì về tôn-giáo bao giờ.

Tư-tưởng tôn-giáo đã mờ yếu, mỏng manh, mà nhất đần có người dụ dỗ, hay có phong trào Chấn-Hưng Phật-Giáo nổi lên, mang ngay giáo-lý mà diễn giảng, mang ngay giáo pháp mà thi hành, thi tránh sao khỏi sự hoang mang trong lòng, sự a-dua ngoài việc. Cũng như người rất thích đi bè, rất giỏi chèo thuyền gỏi sòng, nhưng đang đi nhất đần bị bão táp đánh trôi rạt đến một nơi xa lạ, thì trong lòng còn biết đi về nơi đâu ? ..Không biết quãng bề mình đang lênh đênh là nơi nào trên địa cầu, thì dẫu có trái năm tháng bèo nhồng, ồng công bề lái, khiến buồm, cũng khó mà thấy đường đi về nơi cố-quận...

Cho nên dẫu là có là người đi Thích, thờ Phật, hay theo tôn-giáo nào mặc lòng, nếu quan-niệm tôn-giáo

không rõ rệt, thì chỉ là ùa theo phong-trào, chạy sau vết bóng, chưa chắc đã có điều gì ích. Chính tín là hiểu rõ ràng mà theo cho vững chãi, không a dua, không nhăm lãn, không sai đường. mới mong đạt được đại đạo vậy. Nghĩ thế, nên hôm nay là buổi khai giảng đầu năm, tôi muốn phó bầy cùng các ngài một vài ý kiến về Tôn-giáo.

I. — GIẢI NGHĨA TÔN-GIÁO

Thường thường ai cũng cho rằng :

Tôn-giáo là sự tin thờ đối với thần minh (La religion est le culte rendu à la divinité). Hai chữ thần-minh tùy theo cái trình-độ tiến-hóa, cái lòng tin-tưởng của người ta, mà có nhiều nghĩa. Thần-minh có thể là những sức mạnh vô tri mà người ta tưởng là hữu tri, như mặt giăng, mặt giới, như lửa, như nước, như gió. Thần-minh có thể là những khối ù lý mà người ta tưởng là linh ứng, như đất, như đá, như gỗ. Thần-minh lại có thể là những con vật ngu dần mà người ta tưởng là vạn năng, như hổ báo, voi rừng, sư tử. Thần-minh lại có thể là những bậc oanh liệt đời xưa, mà người ta tưởng đến ngày nay cũng hãy còn oanh-liệt : như đức Quan Vân-trường đời Tam-quốc bên Tàu, như đức Trần-hưng-Đạo đời nhà Trần bên Ta.

Sự tin ấy là sức mạnh thần-bí chi-phối hết cả tư-tưởng hành vi của người ta, nên suy diễn ra sự thờ kính trong lòng, sự cúng lễ cầu nguyện trong tôn-giáo sự hành vi ngoài xã-hội.

Vô tri mà tưởng là hữu tri, ù lý mà tưởng là linh ứng nên kính nể. Ngu dần mà tưởng là vạn năng, nên sợ hãi. Tiều diệt mà tưởng là tồn tại nên thờ cúng. Kính nể, sợ hãi, thờ cúng, càng quý trọng càng giữ gìn, nên mới đặt ra quy tắc lễ nghi...

Sùng bái một vị thần-minh nào, vì kính trọng quá nên tưởng là độc tôn. Muốn duy trì đạo ngài, mới viện lẽ duy nhất, mà bài xích cấm đoán đạo khác. Vì thế mới có sự sô sát, sự chém giết, sự chiến tranh, vì tôn-giáo (Persécutions religieuses - Guerres de religion).

Lại có dân tộc thờ thần-minh, không phải là riêng vì sự linh ứng, mà chính là sùng bái aub hùng liệt sĩ, đã có công đức với thế-gian....Cho nên càng trải nhiều đời, càng có nhiều thần-minh. Lòng tin tưởng thành ra hỗn tạp, tín đồ dang hợp các cái hỗn tạp ấy, mà thờ thánh, thờ thần, thờ ma, vái quỷ..

Hoặc giả xét gồm tất cả sự tin tưởng, và cầu nguyện của các dân tộc mà giải nghĩa rằng : Tôn-giáo là sự tin thờ đối với Thần-minh.

2.) Song đó chỉ là lấy cái nghi thức bề ngoài mà giải nghĩa tôn-giáo một cách sơ lược hẹp hòi, chưa phải giải nghĩa theo cái nghĩa chính và theo duyên cớ của tôn-giáo.

Mang ngay hai chữ Tôn và chữ Giáo mà nói thì :

Tôn 宗 là gốc, do đấy phát sinh ra thân, ngành và ngọn. Như tôn-tộc, là họ chung một gốc, một tổ, do ông tổ mà phát sinh ra các ngành các phái.

Giáo 教 là dạy, là tu sửa điều đã có, và thêm bổ điều chưa có. Vậy Tôn-giáo là những lời giảng dạy bởi một giáo tổ phát ra. Những người học và theo những lời giảng dạy ấy gọi là Giáo-đồ. Nhiều giáo đồ, cùng thờ một giáo-tổ, cùng theo một giáo lý, cũng có chung những tư tưởng thần bí và thực hiện, cũng hành những lễ nghi quy tắc.. ấy gọi là tôn-giáo.

3.) Nhưng xét ra, những giáo-lý ngẫu nhiên bởi một giáo tổ mà phát ra chẳng ? Người ta làm sao mà cứ đua nhau, hợp nhau lại mà theo những giáo-lý ấy ? Cũng như tôi cùng các ngài ngồi đây, cũng như các tiền nhân ta, các người Âu Mỹ hiện thời...lo làm, lo

ăn, lo công việc trong gia-đình, ngoài xã hội cũng chưa xong, làm sao mà lại mua thêm việc vào người, cho bận rộn mình ra, làm sao lại phải thêm việc thờ cúng cầu nguyện nữa ?

Nói tóm lại, tại sao dân tộc nào, dù dã man, dù bán khai, dù văn minh, dân tộc nào cũng có tôn-giáo ? Há chẳng là điều đáng hỏi ư ? Cho nên giải nghĩa tôn-giáo không thể lấy nghi thức bề ngoài, cũng không thể lấy cái nghĩa chính mà giải rõ được. Phải giải nghĩa Tôn-giáo bằng duyên cớ mới được.

Thật ra, Tôn-giáo phải là sự tin thờ đối với thần-minh. Tin thờ, cầu nguyện thần-minh, chỉ là cái vỏ ngoài của tôn-giáo, phát hiện ra cho ta nhận thấy tôn-giáo mà thôi. Tin thờ cầu nguyện chỉ là kết quả của tư-tưởng tín-ngưỡng, chỉ là sự thao diễn của tư-tưởng quần chúng. (Les actes religieux, le culte rendu à la divinité, ne sont que l'expression de l'idée religieuse, la mise en pratique des idées, imaginations, croyances et pensées humaines). Giáo tổ phát ra tôn-giáo, chỉ là người đầu tiên đem thao diễn, bộc lộ, khuếch trương, những tư-tưởng ôm ấp sẵn trong lòng quần chúng (Les fondateur d'une religion n'est que celui qui a su le premier exprimer en faits et en actes, les idées, les imaginations, les croyances déjà conçues dans l'esprit du peuple). Tôn-giáo của một dân tộc nào, chỉ là sự biểu lộ, cách phát siển của tư tưởng kiến thức quần chúng dân tộc ấy về một thời nào trong lịch sử.

Nói dễ hiểu hơn, Tôn-Giáo là sự kết quả cố nhiên của cách xuy xét về sự vật (... Le développement de l'idée religieuse dans un groupement humain n'est autre chose que le développement de la pensée collective de ce groupe à un moment déterminé de son histoire. Autrement dit les notions religieuses sont le résultat nécessaire d'une manière particulière de penser).

Ta có thể lấy câu : Vạn pháp duy tâm, vạn vật duy thức của Phật tử, mà giảng Tôn-giáo.

Nghĩa là do tâm ta suy xét về sự vật như thế nào, do kiến thức của ta hiểu biết về sự vật như thế nào thì ý trí, hành động tạo tác của ta do đó mà biểu lộ phát sinh ra. Thờ phụng tôn sùng của một dân tộc, cũng là cách hành động của dân tộc ấy lúc khởi thủy suy xét về sự vật ra sao. (Les conceptions mystiques, les doctrines métaphysiques, les religions... d'un peuple ne sont que le résultat nécessaire d'un état mental collectif déterminé, autrement dit, l'expression d'une manière particulière de penser le monde et les choses).

Như tưởng gió mưa là có thần hóa phép, sấm chớp là có thần biến hiện, đất nước là có thần cai quản, nên phát lộ cái tư-tưởng ấy ra, là sự thờ cúng cầu nguyện Thủy thần, Hỏa thần, Lôi thần, Thổ thần.

Vậy thì dân tộc nào phát ra tôn-giáo gì, không phải là sự ngẫu nhiên, đích là tư-tưởng của quần chúng suy xét về sự vật mà thao diễn ra. Dân tộc nào theo giáo nào, không phải là thêm việc, mua việc vào người họ, chính là tại giáo lý trong đạo ấy ám hợp với tư-tưởng của họ ứng với lòng mong cầu, hoài bão của họ, đạt cái lòng sở nguyện của họ, ngộ giáo lý có khác với tư-tưởng của họ, nhưng vì sức tiếp lâu ngày mà họ theo, thì họ tất đã cải cách biến thiên, dung hợp cho vừa với cái tư-tưởng của họ.

« Dân còn ngu dốt thì tiện thị ra những sự hoang đường quái đản, cho thần thánh là có quyền muốn làm gì cũng được ; dân đã khai hóa rồi thì tiện thị tín-ngưỡng cao, xa hơn. Cứ thực thì Tôn-giáo của dân tộc nào, một thời đại nào Là cái biểu hiệu đặc biệt của thời đại ấy, dân tộc ấy ».

Như dân Ấn-độ đương khổ về giai cấp phân chia khổ vì quyền thế ưc bách, thì sự hoải bão của dân tộc ấy là sự bình-đẳng tự-do. Đức Thích-ca Mâu-ni là người đã cảm thấy sự phân chia ấy, và đã thao diễn đầu tiên cái tư-tưởng giải-phóng cho những dāu tộc đang bị giai cấp khinh bỉ, quyền thế ưc bách. Dân gian theo đạo ngài như nước chảy, không phải là mua thêm việc cho họ, chính là tại giáo lý của ngài, ứng với lòng dân hoải-bão, đạt lòng dân sở nguyện.

Lại như khắp cả thế-gian đang bị khổ não về sinh già, ốm, chết thì sự hoải bão của người thế-gian là cảnh Cực-lạc thế giới. Đức Thích-ca Mâu-ni cũng là người đã cảm thấy sự khổ ở đời như chúng ta, nhưng ngài là bậc đã đầu tiên thao diễn nỗi khổ não ấy trong Tứ diệu đế, và đã đầu tiên tìm thấy đạo Cứu - cảnh giải-thoát để vớt người thế gian. Bây giờ hầu hết dân tộc ở Á-đông, sau này khắp cả thế-gian theo đạo ngài, cũng không phải là thêm việc vào người họ, mà chính là đạo ngài đã ứng vào lòng sở nguyện của thế-gian, đã chỉ cho thế gian con đường giải thoát.

Nói tóm lại Tôn giáo là sự biểu lộ của tư-tưởng quần chúng, sự kết quả tư tưởng quần chúng suy-xét về sự vật. Tư-tưởng của quần chúng cao thì tôn giáo cao, quần chúng suy xét về sự vật đúng thì tôn-giao hợp lý và uyên thâm. Tư-tưởng của quần chúng thấp kém thì tôn-giao ngớ ngẩn hẹp hòi: Tôn giáo là biến trạng của văn hóa là lịch trình của sự tiến hóa trên lịch sử. (La religion est le reflet de la civilisation. - Les religions ne sont que les divers étapes de l'évolution humaine).

I. LỊCH TRÌNH CỦA TƯ-TUỞNG-TÔN-GIÁO

Đoạn trên đã giải nghĩa Tôn-giáo là sự kết quả

cố nhiên của tư-tưởng quần chúng suy xét về sự vật. Vậy thì lịch trình của tư-tưởng tôn-giáo tức là lịch trình của tư-tưởng nhân-loại. Nay xét xem tư-tưởng nhân-loại khởi hóa từ đâu, và có thể nói tiến hóa đến đâu là cùng được ; tức là xét tư-tưởng tôn-giáo khởi phát từ đâu, và có thể đạt tới đâu là cùng tốt.

..

1) Lúc khởi thủy thiên tai (Les calamités de la nature) và hiện tượng trong giới đất (Les phénomènes de la nature) làm khởi phát tư-tưởng tôn giáo

Loài người lúc khởi thủy còn ngu dại, dã man (la sauvagerie), thường bị những thiên tai, hiện tượng trong giới đất, cùng những ác thú làm khổ sở kinh sợ. Tự thấy mình hèn yếu, bé nhỏ trước những cảnh tượng hùng vĩ của giới đất, lòng người đã kinh hãi, thì dăm ra kinh sợ. Như ban ngày sáng sủa, còn có cách lẩn tránh những ác thú, vồ bắt, sua đuôi. đến như đêm tối mờ mịt, thì còn biết lối nào mà ẩn thân, né tránh nạn. Nên chiều đến thấy mặt giới lặn thì dủ nhau ra lay mặt giới, khóc lóc kêu cầu.

Tôn-giáo cố nhiên của họ là thờ mặt giới.

Nên ta thấy hầu hết các dân tộc lúc sơ hóa, đều thờ mặt giới, người Phi-châu (Afrique), người Úc-châu (Océanie), người Hi-lạp (Les Grecs), người Ba-tư (Les Persans), người Trung-quốc, và người Việt-nam..... Đến nay người Ta và người Tàu, dân trí đã mở mang, nghĩa là cách suy xét về sự vật đã hợp lý và tinh tường, thì tiền thị tôn giáo cũ phải diệt, tồn tích lại (survivance) bây giờ chỉ là mấy ngày đại lễ trong một năm, là ngày tết Thượng nguyên, tết Đoan ngo, và ngày tết Trung nguyên ; Tôn-giáo đã diệt, nhưng nghi thức hầy còn, duy có ý nghĩa là có phần sui lạc. Hôm rằm tháng giêng, người ta làm lễ

thượng nguyên, là kỷ-niệm của tôn-giáo ấy, đón mừng bóng thái-dương buổi đầu năm, mang lại cái sinh khí của nhân gian, thảo, mộc. Thượng 上 là đầu, Nguyên 元 là nguồn, là gốc, do đó đã phát ra sinh khí của thảo mộc, cầm thú, nhân dân. (Le soleil est la cause premier, le principe, l'origine, la force de tout ce qui a vie).

Thờ mặt trời, thì thờ cả mặt giếng đã chiếu cho ban đêm, giúp cho họ đỡ hoang mang những đêm sáng giờ. Nên người ta mới vui mừng, khẩn nguyện hôm giếng tròn (ngày rằm), và kêu cầu ngày giếng khuyết (mồng một), mong rằng giếng lại mọc, cũng như lúc mới lạy mặt trời vậy. Đến nay, Tôn-giáo thờ mặt giếng đã tiêu diệt rồi, chỉ còn lại kỷ niệm tháng tháng đôi tuần, và Tết Trùng giăng về hôm rằm tháng tám thôi. Điều này, tôi minh biện ra, để ai nấy hiểu rằng: Đó là tôn-ích của tôn-giáo cũ, mà nhà Phật đã lợi dụng làm ngày hội họp trong tôn-giáo mới mà thôi. Xưa kia, Phật tổ thuyết pháp hay giảng đạo, hoặc thì hành công đức phò độ, có đợi gi mồng một và rằm mới làm.

Thời sau, người thượng cổ, tìm thấy lửa, thì lại thêm kính trọng cái nguồn ánh sáng mới mẻ này. Đã thờ nguồn ánh sáng cũ là mặt trời mặt giếng ắt thờ cả nguồn ánh sáng mới là lửa. Dân gian, thờ vua Bếp, thờ táo quân, thờ hỏa tinh, mỗi dân tộc nói một khác, nhưng xét ra khắp cả các giống người lúc khởi thủy đều như thế cả.

Những thiên tai như gió mưa, sấm sét đều làm cho người xưa khiếp sợ cả. Lại những ác thú như sư tử, hổ, voi, rồng... làm cho họ sợ hãi,.... đem độ sức người với sức trời đất và thú vật thì thấy mình hèn yếu, kém cỏi lại càng kính sợ hơn. Nên thờ tất cả những thiên tai, hiện tượng trong giới đất cùng ác thú trên rừng. Đã ngu dại, thì tư-tướng

lặt lểp kém, trông những sức vô trí, vô năng ấy, là bừa trí, vụn năng, vụn ứng, nên người xưa thờ kính là để mong rằng như thế thần-minh (1) sẽ thương đến, mà đỡ khổ cuống.

Như thấy lâu không mưa, đương khỗ sở về đời khất, thì cầu nguyện thần-minh, cúng tế đảo vũ ở xứ ta, trèo lên cây vẫy nước phép xuống, và khua chiêng trống để làm sấm sét, ở xứ Mọi.

Lại thờ sư tử ở Pài châu, thờ Bò vàng ở Ấn độ.... cũng đều là tại thấy mình khỗ sở vì thiên tai, vì ác thú, nên mới phát ra tôn giáo về loại ấy.

Vậy thì tôn-giáo là sự kết quả của cách suy xét về sự vật, cầu nguyện là kết quả của tư tưởng tôn giáo. Tôn giáo là biến trạng của trình độ trí thức của loài người. Trình độ trí thức còn thấp thì tôn-giáo ngu dại ngờ ngẩn. Nếu thiên tai, và hiện tượng hùng vĩ quá, thì người ta cảm thấy sức thần hùng vĩ, thiên biến vạn hóa. Nếu thiên tai và hiện tượng tầm thường, thì người ta cảm thấy sức thần tầm thường. Cho nên ở xứ nóng ta bêu Á-đông, thiên tai rất hùng vĩ, thì truyện thần tiên của mình kỳ kỳ quái quái ; ở xứ lạnh bên Âu-châu, thiên tai và hiện tượng vừa phải, thì truyện thần tiên của Hi Lạp, thật có đủ cả các tính xấu của loài người (Mythologie), mà thần minh của dân tộc Á-đông phần nhiều là toàn năng, toàn trí.

2.) Kết thành đoàn thể, xã-hội, để chống lại với thiên tai, tư tưởng Tôn-giáo có tư cách xã-hội

Thấy mình hèn yếu, bị thiên tai, ác thú làm khỗ sở, người xưa mới ở tụ tập thành đoàn thể, ở quây quần thành xã hội, để giúp đỡ lẫn nhau, che chở lẫn nhau, chống lại với thiên tai, ác thú. Thoát khỏi thời kỳ dã man, bước tới thời kỳ bán khai (Barbarie), người ta biết dùng đồng, rồi biết dùng sắt, và các đồ kim

khí-khác, đi đánh đuổi ác thú, đi chinh phục lẫn nhau, cùng hoạn nạn, cùng sung sướng, tinh thần cố kết đã nảy nở trong lòng người từ đó. Nên mới biết thờ xư-sở, xā-tắc. Trong tôn-giáo mới có tinh cách xā-hội.

Làng xóm thờ thờ địa, thành hoàng, bản thổ, nhà vua tế sơn-hà sā-tắc, cảnh cáo linh khí của sông núi đất nước để phù hộ cho dân gian.

Biết dùng đồng sắt, kim khí, để làm đồ dùng đi săn bắn, cấy cấy công nghệ...Người ta vì cảm thấy sức mạnh hèn yếu, sức giới đất vô cùng, nên muốn việc đầu cho là thần cai quản chủ trương. Mỗi công nghệ có một thần. Tôn-giáo theo tinh cách xā-hội, thành ra hỗn tạp phiến phức. Trước khi dẫn gỗ làm lễ phật mộc, trước khi cấy cuốc ruộng vườn, thì làm lễ động thổ; trước khi xuất quân ra trận thì làm lễ tế cờ, cho chí cách chữa bệnh trị người cũng có tinh cách thần ký cai quản. Làng Lò-đúc ta thờ ông Nguyễn-minh-Không, cũng như người Hi-lạp thờ Vulcain làm thần lò rèn vậy.

Vậy thì tôn-giáo gọi là tín-ngưỡng, thì cũng tạm được, nhưng thật ra chỉ là sự kết quả tư-tưởng nhân-loại, ngày một khai thông mà thôi. Mỗi một tôn-giáo suy, nghĩa là một lịch trình của dân tộc tiến bộ. Thời dã man thì tư-tưởng dã man ngu dại, tôn-giáo khờ dại thấp hèn. Dân tiến bộ, thì tự khắc bỏ những tư-tưởng khờ dại, tiện thì tôn-giáo khờ dại phải diệt. Nếu trong dân-gian, ta thấy có người bỏ hủ tục, người cố chấp, ấy chỉ là lại trình độ trí tuệ không bằng bằng đó thôi.

Thời kỳ bán khai (La Barbarie), người ta khi đã gây thành xā-hội ở chung đặng với nhau, thành làng xóm, tinh thành sử sở, những thói tục đời dã man chưa bỏ, nên hay có sự cạnh tranh số sát, trong đoàn thể, hay có sự ganh sức đua tài, mạnh được

ýêu thua. Thế là cái khổ về thiên tai, về hiện tượng giới đất về ác thú chưa diệt xong, người ta lại có cái khổ mới, là khổ về sự xấu xí trong đoàn thể. Bởi thế, lòng người cảm súc, mới đặt ra ước hẹn, ra lẽ luật ra kỷ cương.

Ấy là tư-tưởng loài người từ tính cách xã hội, đã biến sang tính cách chính-trị vậy.

3.) Đặt ra chính trị để diệt cái khổ vì xã-hội không xong, tư-tưởng tôn-giáo có tính cách luân-

lý mới khởi phát

Loài người đã kết thành bang gia xã-hội, ở quây quần với nhau để cùng mưu việc sinh tồn, ấy là cái tính vụ lợi đã nảy ra ở trong lòng người vậy. Đã cùng đồ mưu việc tài lợi, thì có sự hơn sự thiệt, có lòng tham ý muốn, khiến cho cá nhân sinh cạnh tranh xô xát, khiến cho bang gia sinh biến loạn chiến-tranh. Cuộc tàn ác càng ngày càng thao diễn mãi ra ở trong xã-hội, người ta mới đặt ra kỷ-luật để dẫn bảo điều hay, hình phạt để trừng trị kẻ ác, phương pháp để giữ cho quốc-gia được yên ổn, hòa bình.

Nhưng chính trị dù hay, hình luật dù nghiêm nhưng lòng người còn đắm vào trong vòng danh lợi, thì không sao mà đoạn trừ hết cái khổ ở thế gian được. Cho nên những bậc trí thức mới nêu ra luân-lý để hoán cải lòng người.

Luân-lý đã dựng thành. Ấy là tôn-giáo sắp quay về phương diện mới. Tư-tưởng tôn-giáo đã là sự kết-quả của tư-tưởng quần-chúng, thì tôn-giáo ấy là do ở luân-lý mà ra vậy. Những bậc giáo tổ phát ra đạo giáo không phải là làm trò vui cho thiên hạ, không phải là làm việc pháp thuật để được thiên hạ tôn sùng, mà chính là để dạy dỗ lòng người cải thiện.

Người ta lúc ở thời-kỳ khởi bóa, tuy tư-tướng đã tiến bộ nhiều lắm, nhưng tồn tích man dã và bán khai, (Sauvagerie et Barbarie) hãỵ còn lẫn khuất trong dân gian. Nghĩa là tư-tướng đã khai thông, nhưng hãỵ còn điều mê hoặc, do tư-tướng thần-minh đời trước còn sót lại. Vì thế, tôn-giáo thời kỳ thứ ba này, tuy có tính cách luân lý nhưng vẫn xen lẫn tính cách thần bí. Người ta làm lành, không những là để yên xã-hội, bang gia, mà chính là còn để đoạt ngôi thần-minh nữa. Lòng người đã ưa cái gì, thì hay thích cái ấy, đã hay trọng thần-minh, thì hay thích làm thần-minh lắm. Cho nên tôn-giáo vừa có tính cách luân-ly, lại vừa có tính cách thần-bí. Người ta đã thoát khỏi thờ kính những vật vô-trí, hay ngu đại, thì lại đến thời kỳ thờ người. Những trang anh hùng liệt-sĩ, những bậc đại đạo đức được người sau tôn sùng thờ kính, được người sau cho là thần minh, ấy là vừa là để khuyến khích điều thiện, vừa là để nhớ ơn thiên thần vậy.

Như thế thì tư-tướng thần-minh, không phải là đối với những sức mạnh vô trí, hay những sức vật ngu đại nữa, mà là tư-tướng thần-minh đối với những bậc có trí tuệ phi thường, đức hạnh xuất chúng.

Đó là cách khôn khéo của các nhà hành giáo lợi dụng tư tưởng thần bí để thi hành tư-tướng luân-ly. Những tin-đồ làm điều thiện là mong được cảm ứng tới thần-minh. Những lúc cầu nguyện thần-minh là mong được các ngài soi xét tới, các ngài chứng minh cho công đức của mình làm, mà ban ơn ban phúc cho.

Đến thời-kỳ tư-tướng tôn-giáo có lẫn tính cách thần bí vào tính cách luân-ly này, thì phần nhiều các tôn-giáo đang thịnh hành trên thế-giới đều như thế cả. Dù là đa thần, dù là độc thần, dù là thần bí, dù là thuần-ly, dù là triết-ly, dù là thực hiện, hết thảy đều bao hàm hai cái tính cách ấy cả.

Ta có phân hơn kém, cao thấp, chẳng qua là phân những phương pháp hành giáo khéo hay vụng, những giáo-lý giảng dạy có hiệu quả ít hay nhiều mà thôi. và những cách lập luận sai hay đúng mà thói chứ thực ra, tôn-giáo nào cũng đều là cách phát sinh tiền lộ của tư-tướng quần chúng về thời kỳ văn minh khai hóa cả, tôn-giáo nào cũng do một mục đích tối cao là cái ác vi thiện cả.

Nhưng trong sự hành giáo mà có lẫn tình cách thân bí thì lòng người dễ sinh ra mê hoặc, cố chấp. Mê hoặc, cố chấp, ý lại ở bản quyền, ấy là nguyên do của lòng tin ngưỡng vậy. Thành ra sau này những người theo tôn-giáo không phải vì mục đích tối cao cả ác vi thiện nữa, mà chính là vì lòng tin ngưỡng đối với thần minh. Tín ngưỡng ! chỉ có tin ngưỡng thôi ! Nên lại thờ cúng, lại cầu nguyện, lại vẫn như xưa.

Vậy thời tôn-giáo đến trình độ này, chỉ là do sự kết hợp của tư-tướng thần-minh đời trước, với tư-tướng chính trị luân-lý đời sau mà thôi.

Tư-tướng thần-minh đời trước đã không trừ được cái khổ của loài người, tư-tướng chính trị luân-lý đời sau đã không trừ được cái khổ của người, thì tôn-giáo do hai tư-tướng ấy kết hợp lại, phỏng có linh diệu gì mà mong phá nổi cái khổ ở thế-gian ?

Cho nên người thế gian, ngấm vạ vẫn chìm đắm trong bể khổ vậy.

III. TƯ-TƯỚNG TÔN-GIÁO TRONG ĐẠO PHẬT

Trên kia đã xét, người ta vì khổ sở vì thiên tai, vì hiện tượng trong giới đất, vì ác thú, vì bệnh náo, nên mới ở quây quần thành xã-hội bang gia. lấy sự đoàn tụ, sự liên kết để chống lại sự khổ. Nhưng vì có xã-hội, có bang gia, thì lại có thêm cái khổ

vì sự cạnh tranh, sự xấu xé, sự đánh giết, trong bọn cá nhân, trong xã-hội, trong quốc-gia. Vì thế mới đặt ra chính-trị, luật pháp để ngăn ngừa trừng phạt sự cạnh tranh xấu xé đánh giết, phiến loạn. Nhưng xét ra chính-trị, hình pháp không những đã không giảm được lí khổ nào trong xã-hội, bang-gia, mà lại còn làm tăng thêm một thứ khổ mới là sự đau đớn, sự tù tội, sự hình pháp, sự khổ đại vì chính trị nữa. Vì thế mới có luân-lý, có giáo dục, để giúp thêm sức cho chính trị. Nhưng vô hiệu, nên mới có tôn-giáo dung hợp cả thần quyền lẫn luân-lý để mong đoạn trừ hết cái khổ ở thế-gian.

Không ngờ có tôn-giáo rồi thêm một thứ khổ mới. Khổ vì sự tu hành mê tín, khổ vì sự huyền hoặc nhảm tâm, khổ vì sự chiến tranh xung đột trong tôn giáo. Người đời theo tôn-giáo không biết tôn-giáo là sự kết quả của tư-tưởng quần chúng, lại tưởng tôn-giáo là sự tin thờ thần-minh, thành ra chỉ có lòng tin ngưỡng, mà không có trí diệt khổ, thêm một việc cầu nguyện vô ích, bận rộn vào người, mà cái khổ từ lúc khởi thủy có loài người vẫn không bao giờ trừ được.

Đức Thích-ca mâu-ny vì thấy loài người đã khổ vì thiên tai, khổ vì xã-hội, khổ vì chính-trị, lại khổ vì tôn-giáo tín ngưỡng, nên ngài mới cố gắng gian lao, hơn mười năm suy nghĩ, tìm cách cứu khổ cho đời. Khi ngài đã tìm thấy cách cứu cánh giải thoát khổ não cho thế gian rồi, ngài liền đem truyền bá đạo ấy cho đời biết mà cứu lấy thân.

Vậy thì đạo ngài, trong lúc ngài đi giảng dạy cho thời nhân, thì thuần là những phương pháp quang minh chính đại, để cứu khổ cho thế-gian, tịnh không có một mảy may gì là thần bí hư huyền. Những người theo đạo ngài thời bấy giờ, đông như nước chảy, chỉ vì đạo ngài ứng vào lòng mong cầu của họ, chỉ

vi đạo ngài đạt được sở nguyện của họ mà thôi, tình không một mảy may gì đáng gọi là tín tưởng tôn-giáo, tình không có một mảy may gì là cúng tế cầu nguyện.

Nói chung một tiếng đạo ngài lúc khởi thủy, theo thân tâm của ngài phát ra không phải là một tôn-giáo như ý nghĩa ta thường gọi những tôn-giáo khác. Nghĩa là đạo ngài, lúc khởi thủy mới phát ra, không phải là tôn-giáo tín-ngưỡng, không phải là lễ cúng tế thần-minh, không phải là lễ cầu phúc lánh họa, mà chính là những phương pháp giảng dạy để đoạn trừ cái khổ của chúng sinh trên thế gian vậy.

Ngài tức là người đã phát ra cách cứu cánh giải-thoát. Đạo ngài tức là đạo Cứu cánh giải-thoát, khác hẳn với ý nghĩa của các tôn-giáo trên thế-gian. Không có phương pháp nào trên thế-gian đoạn trừ được cái khổ ở thế gian, nên phương pháp của ngài là phương pháp vô thượng. Không có giáo-lý nào sáng suốt cao siêu bằng giáo-lý trong đạo ngài, nên gọi đạo ngài là Đạo vô thượng chính đẳng chính-giác. Vậy thì theo đạo ngài, không phải là tại tư-tưởng tín ngưỡng tôn-giáo, mà chính là học cách giải thoát lấy thân mình, và giải thoát cho thân người khổ; mọi sự khổ não.

Hiếm vì giáo-lý của ngài cao siêu quá, lại phát ra vào thời đại sớm xưa quá. Thời nhân đã ít người hiểu được, mà sau này lại ít hơn. Nên giáo lý chỉ thấy suy vong; giáo đồ chỉ thấy kém cỏi, thật chưa từng có ai sánh ngang được Ma-ha-ca-Điếp hay Mục-kiền-Liên thật chưa từng có ai sáng suốt ngang được với đức Thích-ca Mâu-ni Phật.

Đã nói rằng tư-tưởng tôn-giáo tức là hiện trạng của tư tưởng nhân loại tiến hóa, vậy thì những tư-tưởng tôn-giáo cao siêu quá phải đợi đến thời kỳ tư-tưởng nhân loại thật tiến hóa mới có thể hiểu được. Nếu tư

tướng nhân loại còn thấp kém, thì dấu.tu-tướng tôn-giáo có cao siêu, văn minh cũng không ích gì cho dân tộc man dã hay bán khai. Cho nên Phật-giáo phát ra ở Ấn-độ mà rất suy vong ở xứ ấy.

Lại nói rằng nếu một tôn-giáo phát ra bởi một bậc trí tuệ phi thường, mà tôn-giáo ấy truyền vào một dân tộc trí thức quần chúng hãy còn thấp kém, thì chỉ theo được cái hình thức bề ngoài, còn giáo lý uyên thâm thì không sao mà hấp thụ được. Theo cái hình thức bề ngoài, nhưng cũng không thể theo giống hệt được. Vì tôn-giáo là sự biểu lộ của tu-tướng người ta, nếu người ta còn đang ra những sự quái đản hoang đường, mà bắt buộc phải theo giáo mới, thì tất người ta phải canh cải đi, biến thiên giáo mới đi, để cho ám hợp với trình độ tu-tướng của họ. Cho nên Phật tử thuyết về đạo vô tượng chính giác, giảng dạy thuần những điều hợp lý, chính đại quang minh, mà nước Ta và nước Tàu, theo Phật-giáo lại tỏ điếm vào những truyện thần kỳ quái đản, huyền hoặc, mê loạn.

Đã huyền hoặc, đã mê loạn, mà còn muốn có làm người theo, thì tất phải vin vào lòng tin ngưỡng. Tin ngưỡng nghĩa là chỉ biết thờ cúng, bái lễ, chỉ biết tin-tưởng thần-minh, chỉ biết cầu phúc lánh họa. Ấy là đặt lại cái « giáo pháp truyền về việc cứu khổ », xuống những « tôn giáo truyền về việc thờ cúng thần minh », ấy là bỏ mất lòng hoằng pháp lợi-sinh của Phật tử, mà ôm chặt cái lòng tin ngưỡng vẫn dùng trong các tôn-giáo khác.

Xét ra, những tôn-giáo đời xưa bị tiêu diệt, bị suy-vong là vì những tôn-giáo, những tu-tướng sai lầm mê hoặc, của thời kỳ man dã và bán khai, nên lúc tu-tướng trí thức nhân loại tiến hóa, thì người ta nhận ngay thấy những chỗ sai lầm ngớ ngẩn của thời trước

mà biết trừ bỏ đi. Những tôn giáo thờ mặt trời, thờ mặt giếng, thờ lửa, thờ gió, thờ nước, thờ đất, thờ sư tử, thờ hổ báo,.... mà ngày nay chúng ta biết trừ bỏ đi, là vì tư tưởng chúng ta đã khai thông. Những người còn cố giữ lại, những dân tộc còn đề nguyên như cũ là vì tư tưởng trí thức của những người ấy, của những dân tộc ấy chưa khai thông, hãy còn lẫn-quần trong thời kỳ khờ dại man dã. ...

Hiện nay như xưa kia ở bên Âu-châu có thời kỳ cải cách tôn giáo (la réforme), có thời kỳ tôn giáo chiến tranh, làm cho chính giáo hơi suy là vì tư tưởng nhân loại đã tiến bộ vậy.

Như thế thì khi nấy một tôn giáo suy vong, chúng ta đừng chớ tưởng lầm rằng thế là điếm rở, thế là đáng tiếc: Thế chính là cái biểu hiện của dân tộc đã tiến hóa văn minh hơn trước đó!

Trái lại, đạo Phật là một đạo cực cao siêu, thì sự suy vong không phải là tại giáo lý thấp kém, cũng không phải là tại dân tộc tiến hóa văn minh hơn trước: Chính là tại dân trí chưa đến trình độ hiểu thấu những giáo lý uyên thâm. Như thế thì càng lâu ngày, dân trí càng tiến hóa, tư tưởng càng khai thông, thì Phật-Giáo sẽ lại càng thịnh vậy. Một chứng cứ hiển nhiên là ngày nay, dân trí nước ta đã khai thông hơn trước nhiều, nên quang cảnh Phật-Giáo thật vô cùng hi vọng tiến bộ, vậy thì chớ thấy Phật-Giáo trong lúc suy vong mà buồn cho Phật-Giáo, chỉ nên buồn cho tư tưởng trí thức dân tộc mình hãy còn thấp kém mà thôi. Nếu sau này, dân trí mở mang, hiểu được những giáo lý uyên thâm, ấy là thời đại Phật-Giáo hưng long đấy.

Xét ngẫm muôn vạn thừa vế đời sau, bao giờ cả nhân loại thế giới đều văn minh tiến bộ đến cực điểm tư tưởng trí thức nhân loại sáng suốt đến cùng cực, ấy là ngày thế giới hoàn toàn theo Phật cả. Phật nghĩa là hoàn toàn sáng suốt, trong sạch, không một mảy may mờ đục,

vào bụi, không một chút trở ngại, nặng nề.....

Như thế, thì quán nhận Phật Giáo không thể lấy cách suy xét thường tình như đối với các Tôn giáo khác, mà quán nhận được. Tin theo Phật-Giáo không thể lấy lòng tin ngưỡng tôn giáo mà tin theo được; Phải đẩy lòng sáng suốt, trí tình tường, mà học lấy đạo cứu khổ, học lấy cách cứu khổ, để rồi cứu vớt lấy thân mình và cứu vớt lấy thế-gian.

Ấy là cái lòng sở nguyện của Phật TĐ.

Ấy là cái lòng mong cầu của những người đang khổ trên thế-gian.

Thưa các ngài :

Các ngài hẳn có nhiều khi buồn phiền khổ não lắm.

Các ngài hẳn nhiều khi trông thấy, nghe thấy, những người kêu khóc thảm thương, những người buồn phiền ảo não, những người tan nát ruột gan.

Các ngài có động tâm không ?

Các ngài có muốn cứu mình ra khỏi nơi khổ não, cứu nhà mình ra khỏi nơi khổ não, cứu những người chung quanh ra khỏi nơi khổ não cứu cả thế gian này ra khỏi vòng khổ sở, thì hãy cùng nhau cố gắng học lấy đạo Cứu cánh giải thoát.

Đạo ấy là đạo Phật. Chỗ truyền bá, giảng dạy đạo ấy là Phật-Giáo. Tình không một mây may mê hoặc, tình không một tơ tóc hư huyền.....đều là những phương pháp chính đại quang minh, thực hiện để đưa người ra khỏi bốn mê, bề khổ.

Hưng-yên, ngày 18 tháng giêng

Kỷ-mão (Lê 7 Mars).

PHAN-QUANG-ĐỊNH

DIỄN THUYẾT

« Tôi mừng một tháng hai Annam vừa rồi, tuy trời mưa
« rá rích, đường đi nhớt bết, mà thiện nam tín nữ tấp
« nập kéo nhau tới chùa Quốc-công, phố Bắc hòa Hưng-
« yên là hội quán Phật giáo để nghe một vị diễn-giả ít
« tuổi nói truyện về « Tôn giáo ».

« Máy truyền thanh cho nghe nhiều đĩa hát về sự tụng
« kinh, tụng-văn châu-thánh, như ru tâm hồn thính-giả
« khỏi nỗi băn khoăn bứt rứt trong khi đợi diễn giả
« đặng đàn.»

« Đúng 8 giờ, quan Tổng đốc và Lê-đình-Trần phu-nhân
« tới chủ tọa. Các ghế đều chật ních cử-tọa gồm
« đủ các giới trong tỉnh, nhiều người vui vì đạo, cũng
« rầu lòng không ngại sự mỏi mệt, đứng nghe từ đầu
« đến cuối.

« Sau một hồi chuông, vài câu tụng niệm của chủ-
« tọa, ông Trịnh-như-Tấu, tham tá Tòa-sứ, thay mặt ban
« quản-trị, đứng giới-thiệu diễn-giả và bài « Tôn-giáo
« luận » sắp đem diễn, với các giáo-hữu, nhời nói rất
« văn chương và hùng hồn.

« Kể đến ông Phan-quang-Định bắt đầu nói truyện. Ông
« nói trước máy truyền thanh, nên chùa tuy rộng, thính-
« giả tuy đông, cũng đều nghe được rõ ràng minh bạch.

« Bài diễn văn của ông ý nghĩa sâu xa và nhời văn lưu
« loát, thêm nhiều đoạn bàn rất sắc đáng, nên được cử-tọa
« rất chú ý trong hơn một giờ đồng hồ.

« Ông Phan-quang-Định vừa diễn xong, một hồi vỗ tay
« của thính giả hoan hô, rồi Quan Tổng Đốc thay mặt cử-
« tọa tỏ lời khen ngợi diễn-giả đã tốn công kẻ cưu đề
« hiển các giáo-hữu một câu truyện rất có ý-vý.



VIỆT-NAM THIỀN TÔNG THỂ - HỘ

(liếp theo)

(Phái Tì-ni đa-lưu chi)

3. - Đạo-lâm 道林 Thiên-sư

Đạo-lâm Thiên-sư trú ở chùa Long-vầu, làng Siêu-loại, Long-phúc. Quê Người ở làng Cửu-cao, huyện Chu-diên, họ Tăng 曾 Từ nhỏ Người đã mê đạo Phật, ưa trau tjab. Bắt đầu xuất-gia, Người ở học Ngải Hương-nghiêm Pháp-dong 香嚴法融, chưa được vài năm thì được thầy mật truyền tâm ấn cho và trao cho lời tỏ-huấn đề đi đến đâu tuyên dương giáo-hóa đến đấy. Người khéo tay cơ ứng phó nên lợi ích cho đời nhiều lắm. Năm Thiên-gia Bảo-hựu 天嘉寶祐 (1188) thứ 3 nhà Lý (1) tháng 5 năm Quý-hợi. Người ngồi phau giá mà hóa.

Đời thứ 17 có 4 người khuyết 1

1) Diệu-nhân Ni-sư 妙因尼師

Sư bà Diệu-nhân trú ở chùa Hương-hải-viên 香海院, làng phù-dồng Tiên-du. Người húy là Ngọc-kiều 玉鶯 con gái cả của Phụng choát vương 奉軌王 Từ nhỏ người vốn hiền hậu, ở ẩn khuất-phép. Vua Lý Thánh tông nuôi Người ở trong cung đến tuổi cập-kê gả Người về nhà họ Lê là quan Châu-mục ở châu Chân đặng. Sau ông Lê Châu mục mất, Người tự thề không đi tái giá nữa. Một hôm Người tự than rằng : « Ta coi hết thầy mọi cái ở trong thế gian này đều như mộng như đối cá, phương chi là cái cuộc vinh hoa xởi-thi kia thì còn có gì là đáng tin cậy ».

Thế rồi Người tán cả vốn riêng ra để bố thí, cao đầu đi tu, đến thu Bồ-tát giới ở sư cụ Chân không 真空 chử

(1) Diệu-nhân Ni-sư là đời cách sau Đạo-lâm một đời, Diệu-nhân mất năm Hợi, triều Đại-khánh (1110) mà đây nói Đạo-lâm mất năm Thiên-gia Bảo-hựu thứ 2 (1188) thì sai nhiều.

Phù đồng. Thấy Người học Phật trọng giới và thường tham hỏi đến những nghĩa tâm yếu. Châu không sư bèn đặt đạo hiệu cho là Diệu-nhân và cho trụ trì ở ni viện 尼院.

Sư bà Diệu-nhân ở đấy tu theo như luật giáo và làm đúng phép thiền, bèn chứng được phép « Tam-ma-địa », Thực là một vị sư phạm cho trong ni giới.

Sư bà Diệu-nhân dạy học trò, ai mới đến Người cũng dạy cho đạo Đại thừa ngay. Người thường nói :

« - Cứ theo tư tính mà tìm lại nơi bản nguyên, thì dù phép « đốn 頓 » hay phép « tiệm 漸 » đều có thể tùy cơ mà vào được ».

Người nói người thường đau yếu, nên kiêng không hay để ai gặp mặt và ghét cách nói năng nhiều điều. Có một người học trò hỏi Người rằng :

Hết thầy bệnh của chúng sinh là bệnh của ta. Phật đã dạy ta, sao Thầy lại còn kiêng không hay cho ai gặp mặt ? Người liền đọc lời Phật trong kinh Kim-cương : « Nếu kẻ nào cầu biết Như-lai này ở chỗ giảng mặt và lời nói thì kẻ ấy là kẻ theo tà đạo không bao giờ biết được Như-lai này ».

Học trò lại hỏi :

-- Sao Thầy thường hay ngồi lâu mãi như thế ?

Người đáp :

— Ta vốn vô khứ vô lai 無去無來.

— Sao Thầy không hay nói ?

— Đạo vốn không có nói năng gì ?

Năm Hội-tường Đại-khánh 會祥大慶 thứ 4 (1140)nhá Lý, ngày mồng một tháng 6, sư bà Diệu-nhân bị đau nặng. Người đọc một bài kệ rằng :

生老病死 Sinh lão bệnh tử,

自古常然 Tự cổ thường nhiên.

欲求出離 Dục cầu xuất ly.

解 縛 拯 纒 Giải phọc thiêm triền.
 迷 之 求 佛 Mê chi cầu Phật,
 惑 之 來 禪 Hoặc chi cầu thiền.
 禪 佛 不 求 Thiền Phật bất cầu,
 杜 口 無 言 Đỗ khẩu vô ngôn (1).

DỊCH

Sinh tử và bệnh lão, Từ xưa là lẽ thường.
 Muốn trông giải-thoát nó, Nó càng thêm vấn vương.
 Ai tham thiền học Phật, Chớ mê hoặc mơ màng.
 Vì cơ Thiền đạo Phật Lời lẽ khôn giải thường.
 Đọc kệ xong người bèn tâm gọi rồi ngồi phù giá
 mà hóa. Thọ 72 tuổi.

NGHIỆP DUYÊN THÂM SỬ

Cánh Cao-nguyên Tau-Ek, thuộc tỉnh Thbaung Khnum xứ Cao-mên, đã nổi tiếng là một nơi thắng cảnh, non xanh cây tốt, khí hậu ôn hòa, nhưng nó còn để lại cái di tích thương tâm, khiến cho người bản-xứ không bao giờ quên một đoạn sử-ký đau đớn của người què

(1) Bài kệ này với bài kệ của Trần Thái-Tông ở sách Khóa-hư chỉ khác có vài chữ mà là những chữ không quan hệ, còn y như nhau. Tôi nghĩ không có lẽ Trần Thái-Tông lại lấy bài này đổi làm của mình, hay là người đời sau chép sách làm sai lầm của người nọ ra của người kia. Nay chưa thể xét ra đích thực là của ai được. Vậy cứ để nguyên văn của cả hai bài trong sách và sách Khóa-hư mà dịch làm 2 thể.

Lời dịch bài này cũng hơi khác bài của Trần Thái-Tông mà ý nghĩa vẫn như nhau. — Lời dịch giả. Đ. N. T.

vãng. Mỗi khi, khách qua đường, thường được nghe giọng hát của kẻ chẵn trâu, hay người thiếu phụ bỗng con du vãng trước cửa nhà, mô tả lại cái tình ai oán cũ, thì khách hiểu được tiếng hát, không khỏi ngậm ngùi than thở và sẽ ôn lại chuyện cho người khác nghe, nếu ai chưa từng bước chân lên bãi đất này.

Về hồi thế kỷ thứ 18, đời vua Brak-Ràma cai trị, tỉnh Thbauang Khnum có một ông sãi (thầy chùa) tên là Ek, xuất gia từ thuở nhỏ, từ bấy giờ chừng ngoài hai mươi tuổi. Thông minh, lanh lẹn và chăm chỉ, đã biểu lộ ra ngoài dung nhan, cách cử-chỉ hằng ngày của chàng ngoài kinh kệ, chàng còn khéo nghề thổi địch, âm thanh lưu loát nhẹ nhàng khiến người nghe không khỏi óm mỗi lòng mơ tưởng.

Một hôm, đến lượt chàng phải quây nước hầu thầy và cho tăng chúng trong chùa; chàng ra ngoài giếng với đôi thùng trên vai, có lẽ vì nghiệp duyên sui khiến cho nên ngoài giếng trờ ra có người với người thiếu nữ, tuy không phải son tó phấn điểm gì, chỉ thiên nhiên mộc mạc mà sắc nước hương trời điểm lệ, khiến chàng phải ngáy mặt mà chú-ý nhìn nàng, chàng Ek quây gánh nước về chùa, từ đấy đem lòng mơ ước, quyết bỏ tịnh-duyên mà trở lại với cuộc đời ân-ái. Công việc chùa thu xếp xong đâu vào đấy rồi, chàng rửa mặt mũi chân tay, đặt ba tấm cà sa trên khay mang ra để trước mặt thầy làm lễ xin lui gót về nhà, Hòa-thượng lấy làm ngạc nhiên. không hiểu có gì; hỏi han căn vặn, sau mới biết tường tận nhân duyên của trò, Hòa-thượng đem lời an ủi khuyên con :

« Nay con, con đã nương thân cửa Phật chót ngoài
 « 10 năm, lao tâm tu học chỉ còn trờ ngày kết trái bồ
 « đề, đám bông bát nhã, bỗng ngày nay sao con lại
 « nữ phải sạch tịnh-duyên mà vui với cuộc đời ân ái
 « Con ơi ! cái đạo vô thượng của đức Bản-sư Thích-
 « sư dạy cho người đời giải thoát cuộc tử-sinh, coi từ-

« sinh là giặc mỏng, lẽ thế gian là vô thường ; muốn
 « pháp trong vũ-trụ không có cái chi là trường tồn mãi
 « mãi, duy có một niệm hồi quang là tỏ ngộ cái bản thể
 « chân như; xuất được nghiệp ba đời quá khứ hiện
 « tại và vị-lai. Nay con ! con đã từng đọc kinh, học
 « luận, rõ biết cái nghiệp-báo luân-hồi là trong ; nếu
 « kiếp này con chẳng tu hành cho đắc quả thì còn đợi
 « kiếp nào nữa. Há con không biết ư, Phật giảng rằng:
 « được thân người rất khó, đã được làm thân người
 « mà biết quy y Phật pháp. Tăng-lại là khó nữa. Phụng
 « chi, nay con được làm người, gần thầy và nương
 « chốn Tùng-lâm thiện-hữu, ta dám khuyên con giữ tròn
 « đại nghĩa, kiêu-trì giới luật, trước là độ thân con, sau giải
 « thoát cho cả bốn ân phép-giới hữu-tình. Một sự rất khó ở
 « thế-gian này, ít người làm được, như lìa hai bề thân, họ
 « hàng tôn lặc, mà vào chùa theo thầy học đạo. Thế mà con
 « đã làm được bấy lâu này ; hưởng ư chút linh ân ái của
 « con, sao con chẳng đem gươm tri-luệ mài cho sắc mà đoạn
 « rất nó đi ; kéo một mai địa ngục hiện tiền, con hỏi
 « làm sao kịp.

« Vả chẳng một khoảng thời gian luyến ái có được
 « bao lâu ; trong đó nó sẽ xảy ra cho con nhiều sự phiền
 « não, đau đớn, tai nạn bất kỳ ; con ơi ! con nên
 « nghĩ lại ; việc đã làm, dù có ăn-năn cũng không trở
 « lại sự lành cho con nữa ».

Chàng Et nghe lời thầy dậy, cúi đầu xá lạy, không
 biết trả lời sao được ; giầy lát lâu, chàng hình như
 bị con quỷ ái-ân kia nó dục tới, mạnh mẽ chấp tay
 lễ thầy ba lễ, rồi đi thẳng vào phòng Hòa-thượng kêu
 gọi chúng tăng mà nói rằng :

« Các người coi đây, cớ nhân nói có sai đâu ; sự
 « phú quý đâu tránh được đường luân hồi sinh tử.
 « Chỉ có tu tới cõi nát bần chân như mới hay định
 « được nghiệp mình. Các con, nên gắng chí công phu,
 « sớm khuya tu tiến đạo nghiệp, kéo một đời đã lỡ.

« thì trăm nghìn ức kiếp khó mà được thân thừa Tam-
 « bậc nữa. Tên Ek, thói từ nay, vâng công học tập,
 « hễ nơi sáng trở về nơi tối, ta lo mà thương cho
 « hân, không biết hân có thoát được cái lưới vô tình
 « của thiên địa không ? »

Chàng Ek mạnh dạn bước vào phòng thu thập đồ
 hành trang, từ biệt với Tăng chúng rồi ra đi, chàng
 tìm đến nhà người thiếu-nữ kia, xin ở dề. (theo tục
 người Cao-mên trước khi cưới vợ phải qua ở dề ít
 ra là 3 tháng rồi mới cưới, chàng Ek, biết thiếu
 nữ kia tên là Tau (Tó) một hoa khôi trong hàng thiếu
 nữ gần vùng đấy, tuy chưa trong chân gối, nhưng
 tình ái yếm đã ra sự vui sướng vô cùng. Nhưng
 chẳng may cho chàng khi đó, nhà Vua đang tuyển người
 phường ca nhạc, dù trai hay gái, ai thiện nghệ về âm
 nhạc đều phải tuyển vào cung, chàng Ek được người
 trên cử đi, thêm cho chàng một điều đau đớn nữa phải
 từ giã người yêu. Chàng đành tạm biệt, thẳng ruổi trên
 đường thiên lý.

Một hôm, sau buổi chiều nhà rồi, đức vua ban lệnh
 cho hai phe nam nữ âm nhạc được diễn trước mặt
 rồng, chàng ngồi thõa địch, ngược mắt trông bên kia
 cung, thấy người yêu của mình đang rỏ tay, uốn
 mình ca múa trong đám nữ nhạc của nhà Vua, chàng
 đi trở ra, xây lưng quay ngồi mé hiên bên cung đó,
 thõa lên giọng địch than thở nỗi biệt ly.

Vua lấy làm lạ, đang lúc vui cười nháy múa,
 lại nghe thấy tiếng địch như ai kêu sầu khóc thảm;
 liền sai quan hầu cho gọi vào hỏi duyên cớ. Chàng
 Ek đem sự thật tâu lên. Vua nghĩ tình chàng tuổi trẻ,
 lại thêm có tài, với cái nhan sắc người yêu của chàng
 mà cho phép đoàn-tự trong cung. Vua hứa sẽ đứng lên
 chủ-hôn cho hai bạn trẻ.

Đôi uyên ương được lời vua ban, vui mừng hơn hồ,
 chắt từ nay gắn chặt giây cầm.

Nào ngờ đâu, con Tào éo le, thường hay ghen ghét khách tài hoa và người má phấn, khiến cho cuộc xum họp kia lại tan như đám mây chiều lặn nữa.

Nàng Tau nhân được thư ở quê nhà báo tin cha già sắp thở hơi cuối cùng, chỉ còn ao ước được trông thấy mặt con lần nữa.

Nàng vào nhà trong than thở cùng chàng Ek, và khuyên chàng hãy ở trong cung hầu vua, sau ba năm đoạn tang sẽ trở lại cùng chàng đoàn tụ. Khi nàng Tau tới quê nhà, thấy cha mẹ còn mạnh khỏe, không có bệnh tật chi cả, nàng biết xong thân dùng mưu kế gì đây, nên mới đánh lừa nàng vậy.

Thân phụ thấy con về, gọi vào phòng an ủi, khuyên con rằng : « cha mẹ vốn biết con sẽ là người trăm năm của chàng Ek ; nhưng ngặt vì gần đây, con trai quan Thượng « Arjun » thấy con được nhà vua ân-xá, lại cầu xin ta hỏi con làm vợ. Con nên nghĩ trước lo sau, trước là bảo tồn lấy thân con, cha mẹ già cũng được nương cậy cái tuổi thừa sắp hết. Chàng Ek kia, chẳng qua chỉ có chút thiện-tài về âm-nhạc thôi, chứ nói về sự danh-giá, của-cải, phú-quý, sao bằng con trai quan Thượng được ».

Nàng nghe lời cha, trong lòng bối-rối, hạt châu lã chã, nghẹn-ngào không biết trả lời cha sao cho vẹn, nàng vào phòng vợ viết giấy gửi gấp cho chàng Ek biết tin này.

Trong thư nàng viết :

Anh Ek của em,

Dù ngày dù đêm, anh nhận được tin này, xin lập tức về ngay.

Ký lên : Tau

Khốn-nạn cho chàng Ek, nhận được tin như sét đánh bên tai, vội vã đi gấp cho chóng tới quê nhà. Về đến nơi, người ta cho tin chàng hay rằng : nàng Tau đang

làm lễ cưới với con quan Thượng Arjun, chàng Ek như người mất trí khôn, thất thểu bước chân vào nhà cha mẹ vợ, nhưng bị đám đông người họ số đông đuổi ra. Sau những lời kêu van thảm thiết, chàng xin ngồi tạm mẹ ngoài hè, để nghỉ chân, vì sự đi xa đã làm cho chàng mệt mỏi.

Nghỉ lát lâu, chàng đã hoàn hồn, nghĩ lại người yêu mà đau lòng khôn xiết. Chàng rút ống tiêu ra thổi, tiếng réo rất âu sầu thảm đạm, khiến cho khách đang vui trong tiệc rượu cũng phải chau mày.

Nàng Tau, trong phòng tiếp khách, hiểu tiếng địch của chàng, liền lấy chai rượu giót đầy cốc, chạy ra đưa cho chàng mà cùng ngồi than thở. Ai nấy, lấy làm lạ nhất là con trai quan thượng người sắp vui cuộc trăm năm, trông thấy tình cảnh này, lòng thêm phẫn uất, liền kêu những kẻ hầu cận: « cái nhục này phải rửa bằng máu, các người đâu, bắt thằng kia mà giết nó đi ». Rồi thì, chàng Ek thân có thể có, bị chúng đâm chém túi bụi, nằm trên vũng máu đào, mà còn cố gượng hát ai oán thương tâm gọi cho người yêu biết đến.

Vật đầu tiếng hát sầu não hơn của nàng Tau hát lanh lảnh, hình như để yên ủi người yêu sau cái nhảm mắt cuối cùng

Bài hát rằng :

« Ấy ai gây mối tơ tình,

« Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.

« Hỡi nên yên ủi nỗi lòng,

« Xuối vâng xin vẹn chữ « lòng » dám sai ».

Người ta xúm lại khiêng chàng Ek quảng vớt ra cánh đồng bên cạnh. Khi về tới nhà, nàng Tau hỏi bọn nó rằng :

« Xong rồi chứ, đã kết quả đời chàng chưa ?

Chúng trả lời : « Thừa xong rồi ạ ».

Nàng làm bầm một mình : « Phải nghiệp báo đầu xa, hóa công nào có thiên lệch bên nào. Xong liếc rượu, nàng vào phòng, lấy con dao găm thật sắc chặt đứt cánh song cửa, nép mình theo con đường tắt sau nhà, đi cùng với người hầu gái. Giữa đường, gặp đũa chần trâu, nàng liền tháo chiếc kiềng vàng đeo cổ tay trái mà đưa cho nó và dặn rằng : Em trở lại nhà có đám cưới kia bảo cho họ biết rằng : muốn tìm ta, thì xin ra chỗ thầy người yêu của ta mà kiếm ».

Nói xong nàng đảo bước đến chỗ sắc chàng, Tau quay dặn người hầu gái cho về. Nhưng lòng thương chủ người hầu gái xin cùng chịu chết với chủ ở đây, chỉ nhất định không trở lại. Nàng Tau tra hai hàng lệ, cầm dao chặt người hầu gái làm hai đoạn ; rồi quay mũi dao lại tự giết mình.

Họ hàng hay tin, đồ số chạy tới, thì ói thối, nàng đã hóa ra người thiên cổ. Ba cái thây ma nằm chồng chất lên nhau, mà ngũ một giấc thắm khốc trong mối trường hận đời đời.

Nhà vua nghe thấy chuyện này xảy ra, liền ra lệnh bắt chém cả nhà quan Thượng Arjun, và xong thân nàng Tau.

Hiện nay ở cánh Cao-nguyên có lập đền thờ quan Thượng, và hai vợ chồng chàng Ek, dân gian thấy nhiều sự linh-ứng, cứ tới mùa xuân là rủ nhau đi hành hương lễ bái rất đông.

Thanh-Giản dịch



TÂY - VỰC KỲ

Đi thẳng về phương tây bắc xuống dưới độ hai ba dặm, có một chỗ hơi bằng phẳng mới căng màn nghỉ-sáng mai lại đi.

Ròng rã luôn năm sáu ngày mới xuống đến chân núi, tới nước An-đát-la-phước-bà, tức là cõi đất cũ của nước Đê-hóa-la. Ở đây có ba ngôi chùa, tăng đồ vài ba mươi người, đều học về bộ Đại-chúng, có một cái tháp, do vua Vô-ưu xây lên.

Pháp-sur nghỉ lại năm ngày, lại đi về phía tây bắc, đi toàn đường núi, hơn một trăm dặm, đến bên sông Phọc-số, tức là phía đông nước Đê-hóa-la, kinh thành ở phía nam sông ấy, vào yết Diệp-hộ Khả bôn. Diệp-hộ cho lính hộ vệ, cùng các lái buôn đi về phía đông, hai ngày đến nước Mãng-kiện, bên nước Mãng-kiện, có các nước A-lợi-ny, Hạt-la-hồ, Ngật-lật-sắt-na Rát-lị-bạt-v. v. đều là đất cũ của nước Đê-hóa-la cả. Từ nước Mãng-kiện đi về phía Đông, đường núi quanh co, hơn 300 dặm, đến nước Hê-ma-đát-la, cũng là đất cũ của Đê-hóa-la, phong tục y như Đột-quyết. Có một tục lạ nhất là đàn bà thì đội mũ bằng gỗ, trên chạm hình cái xừng, cao hơn ba thước, đằng trước có hai trạc, làm biểu hiệu hai bố mẹ chồng, trạc trên là cha, trạc dưới là mẹ, hễ ai mất rồi thì bỏ cái trạc ấy đi, như bố mẹ chồng chết cả rồi, thì mũ không có xừng nữa.

Từ đó lại đi về phía đông, hơn hai trăm dặm, đến nước Bạt-sáng-na, cũng là đất cũ Đê-hóa-la. Vì trời rét giữ tuyết đóng, phải đình lại hơn một tháng.

Từ đó lại đi về phía đông nam, cũng toàn đường núi hơn hai trăm dặm, đến nước Dàm-bạc-kiện; Lại quay về phía đông nam, đường lối hiểm nghèo, đi hơn 300 dặm, đến nước Khuất-lãng-noa: Từ đó đi về phía đông bắc, đi đường núi hơn 500 dặm, đến nước Đạt-ma-tát-thiết-đế. Nước này ở vào giữa hai chiến núi. Áp sông Phọc-số, sản xuất ngựa tốt, hình vóc nhỏ mà khỏe, tục không có lễ nghĩa gì cả, tính tàn bạo, hình xấu sa, mắt xanh lè

khác hẳn các nước. Có hơn mười ngôi chùa. Đây tức là kinh đô nước Hôn-dà-da, trong có một ngôi chùa, do vua ngày xưa tu tạo nên, trong có một pho tượng đứng bằng đá, trên có một cái bảo cái bằng đồng đỏ, giắt thêm các thứ ngọc, ánh sáng chói lói. tự nhiên đứng vững trên không mà che đứng giữa đầu Phật, có người nào lễ mà nhiễu quanh Phật thì cái bảo cái cũng xoay theo, đứng lại thì cũng đứng yên, không ai hiểu được tại sao.

Từ nước ấy đi về triền núi phía bắc, đến nước Hộ-khi nỳ, lại qua nước Đạt-ma-lất-thiết-đế, đến nước Thương-di; Từ đó đi về phía Đông, đi toàn đường núi, chừng hơn 700 dặm, đến hẻm núi ba-mê-la, hẻm này giải hơn ngàn dặm, rộng hơn trăm dặm, ở vào hai bên núi Tuyết-sơn, lại là ở giữa núi Thống lĩnh. gió thổi tuyết bay, dẫu mùa xuân mùa hạ cũng thế. Vì rét mướt quá, cây cỏ lơ thơ, không cây cầy được, cho nên phong cảnh tiêu sơ, không trông thấy có dấu vết người nữa. Trong hẻm có một cái ao lớn, giải hai trăm dặm, rộng hơn năm mươi dặm, móng mênh bát ngát, mắt trông không thấy, các loài tôm cá, trăm ngàn giống khác nhau, tiếng động rộn ràng, y như trong cái ruộng thợ vậy. Lại có các thứ chim. mình cao hơn một trượng, trứng to bằng cái trum.

Phía tây ao này phân ra một con sông, chảy về phương tây, đến nước Đạt-ma-lất-thiết-đế, phía đông tới sông Phộc số, cùng hợp làm một giòng mà chảy ra biển, các giòng nước về phía tây cũng hợp ở đấy cả. Phía đông ao này cũng phân ra một con sông lớn, chảy về phía đông đến phía tây nước Khư-sa, hợp với con sông Tỉ-da, chảy xuôi về sông rồi rớt ra biển, các giòng nước ở phía đông cũng cùng hợp ở đấy cả. Về phía nam ngoài Hẻm này có nước Bát-lộ-la, có nhiều vàng bạc, sắc vàng đỏ như lửa. Về phía nam phía bắc ao này thì lại thông với ao A-lóc. Từ đó đi về phía đông, qua những đường tuyết nguy hiểm hơn 500 dặm, đến nước Yết bàn đà.

Kinh thành nước này tựa vào núi cao, phía bắc áp sông Tỉ-da. Sông này phía đông chảy đến diềm trạch, xuyên qua núi đá chảy ra, tức là nguồn sông của nước này. Vua nước này thông minh lắm, từ khi khai sáng nối đời làm vua, tự nói rằng là giống Chi-na đề bà củ đất la (Hán nhật thiên chủng) ở trong cung vua có một ngôi chùa thờ Ngài Đông-thọ luận sư. Luận - sư là người nước Đát-xoa thủy la, thông minh tẩn tú lạ, một ngày đọc được 3200 câu, viết cũng nhanh như thế, thấu hiểu hết mọi pháp, làm ra rất nhiều sách, có đến hơn ba mươi bộ luận, đều thịch hành ở đời. Lúc bấy giờ phương đông có ngài Mã-miãh; phương nam có ngài Đề-bà, phương tây có ngài Long-mãnh, phương bắc có ngài Đông-thọ gọi là bốn vàng mặt trời 四日, chiếu tỏ bước sự mê lầm cho các giống hữu tình. Ngài Đông-thọ tiếng khen lừng lẫy, cho nên vua nước này mới thân chinh đem binh đến mà đón ngài về cúng dàng.

Về phía Đông nam, cách xa thành hơn 300 dặm, có hai cái nhà đá, mỗi nhà có một vị la-hán vào cõi diệt-tận-định, ngồi yên bất động, coi như người gầy, đã hơn 700 năm rồi, mà vẫn không nát.

Pháp-sư ở lại đấy hơn hai mươi ngày, rồi lại đi về phía đông bắc.

Đi được năm hôm, gặp một đám cướp, các nhà buôn bán sợ chạy tán loạn lên núi, voi ngựa xuống nước chết. Khi quân cướp đi rồi, các lái buôn lại họp đi về phía đông, giải giàu sượng tuyết, đi hơn 600 dặm, ra khỏi núi Thông-linh, đến nước Ô-sái.

Về phía tây ngoài thành có một quả núi lớn, ngọn cao trót vót, trên có một cái tháp. Tục truyền rằng hai ba trăm năm trước kia, vị sét đánh núi lở, trong có một vị sư, thân thể khô đét, mặt mũi vẫn đẹp, ngồi nhắm nghiền mắt, râu tóc bù sù, phủ kín cả mặt cả vai. Có người kiếm củi trông thấy, vội vào bạch vua. Vua thân

chinh đến chiêm lễ, quan dân đồn đi, xa gần kéo đến, đua nhau cúng dàng, hoa chấi như núi. Vua hỏi là người thế nào. Có thầy tu thưa rằng: Đó là một vị sư, tu chúng la-hán, vào cõi diệt-tận-dịch, đã lâu ngày lắm, cho nên râu tóc giải đều như thế. Vua nói: làm thế nào cho ngài tỉnh dậy được? Thầy tu thưa rằng: Cái thân xác thịt này, ra cõi định là nát ngay, nên lấy sữa mà tưới vào, cho da dễ nhuần nhả đã, rồi đánh kiện trùy lên, thì ngài sẽ tỉnh dậy ngay. Vua nói: Hay lắm. Rồi y lời thầy tu, tưới sữa đánh chùy, vị La-hán chùng mắt ra coi và hỏi rằng: các người là người nào mà mặc đồ pháp phục thế? Thầy tu nói: Chúng tôi là nhà tu vậy. Vị La hán nói: Thầy ta là đức Ca-diếp ba mươi-lai bây giờ ở đâu? Thầy tu nói: Ngài vào cõi niết bàn đã lâu rồi, Vị la hán nghe nói có ý buồn ngủi mà hỏi tiếp: Thế đức Thích ca vẫn Phật đã thành Phật chưa? Thầy tu nói: Ngài đã thành đạo cứu vớt quần sinh, bây giờ cũng tịch rồi. Vị La-hán nghe đoạn nhấm mắt lại, một lát lấy tay gạt tóc, bay lên trên hư không, hiên hiên nhiên điếm lại, rồi hóa ra lửa tự thiêu mình đi. còn xương rơi xuống đất Vua cùng đại chúng nhặt sương sây tháp, tức là cái tháp này vậy. Từ đó đi về phía bắc, hơn 500 dặm, đến nước Khư-sa, quanh sang phía đông nam, đi hơn 500 dặm, qua sông Tỷ-đa, trèo qua một quả núi lớn, đến nước Chước-cú-ca. Phía nam nước ấy có núi lớn. Trong núi có nhiều khám. những người Ấn-độ tu chứng quả rồi, phần nhiều hay vận thần thông đến đây ở, vì thế mà tịch diệt ở đây nhiều, bây giờ còn có ba vị la-hán, vào cõi diệt-tận-dịch, râu tóc mọc giải, chur lừng thường lên cạo cho. Ở nước này có nhiều kinh điển đại thừa, nhưng bộ giải hàng mười vạn câu kệ cũng có tới vài ba mươi bộ. Từ đó đi về phía đông, hơn 800 dặm, đến nước Cù tát đất na, (tàu dịch là Địa nhũ.

太宗皇帝御製課虛集卷上

原夫四大本無。五蘊非有。由空起妄。妄成色。色自眞空。是妄從空。空現妄。妄生凡色。旣背無生無化。永爲有化有生。無生化則無化無生。有化生故有生有化。或生聖賢愚智。或化鱗角羽毛。時時沒溺於迷津。往往漂沈於苦海。昏昏懵懵。豈覺豈知。擾擾匆匆。不惺不悟。盡是縱心放去。都無驀鼻牽回。致使六道往來。四山陟降。四山者生老病死也。今叙四山之序以貽厥後。

KHÓA - HƯ GIẢNG YÊU

Nguyên văn chữ Nho của vua Trần thái Tông

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Bản Khóa-hư này, tôi đã xuất bản hơn sáu năm nay, mà mới ấn-tống được có một trăm bộ, lưu-thông thực hẹp hòi quá. Nay thấy các giáo-hữu xa gần phần nhiều đều khát ngưỡng Khóa Hư mà không còn nữa. Tôi nghĩ như bộ Khóa Hư không những là một thứ pháp-bảo quý hóa nhất trong rừng thuyền ta, mà phương pháp tu hành, lại dễ cho người theo : khóa tu giản dị mà thiết thực dễ làm. Một tập trên nói rõ cái khổ của đời và phá tan cái tình chấp ngã có thường của thế-gian, thực là lời lời huyết-lệ, thấm thiết não nùng, lại thêm áng văn-chương cảm-tú, lại càng dễ khiến cho người thích nghe dễ nhớ nữa. Tiếp đến tập trung tập hạ, chia làm sáu khóa tụng-niệm hàng ngày : Xám hồi thì xám ngay tội lỗi bởi sáu căn sáu cảm thanh tịnh, tức thì chứng đạo, dưới mỗi khóa tụng, lại có một bài phát nguyện « truyền thừa thành trí » đề tự-giác giác tha, cho đến công-hành viên-mãn cứu kính Phật-quả. Thực là một bộ kinh bao-quát hết cả « giáo, lý hành, quả » của Phật, ai trì tụng được, lại thực hành được đến chỗ lục-căn thanh-tịnh, rồi lại khuyến hóa cho người trì tụng thực hành, thì công đức tất vô-lượng vô biên bất khả tư-ngự như kinh điển đại-thừa vậy. Tôi lại thấy trong Thuyền gia ta từ bài cảnh sách, cho chí thỉnh chuông, kiền trụ, cũng đều thông dụng các bài trong Khóa-Hư cả, tiếc rằng dùng toàn chữ Nho, người học ít không hiểu thành ra chỉ có hình thức mà không có tinh thần, khiến cho công đức Khóa hư không chan hòa cho khắp nhân gian được, thực đáng tiếc thay. Vì thế cho nên tôi dám cố gắng cải sức yếu hèn, cố dịch ra làm hai phần : một phần dịch theo thể văn biên ngẫu, trọng về văn chương, cho tiện trì tụng ; một phần diễn ra tản-văn, trọng về đạo lý, cho người dễ hiểu và đáng vào Đuốc-Tuộ, cho pháp-âm được vang khắp gần xa. Trong đó còn có nhiều nghĩa sâu xa, sức tôi chưa hiểu nổi, dám mong các ngài chỉ giáo cho.

Có một điều mà tôi mong rằng các giáo-hữu cùng đề ý đến mà tự nghĩ rằng một vị đế-vương tài trí anh-hùng như

vua Thái tôn nhà Trần, lại gặp lúc vận nước gian nan, giặc Nguyên xâm lấn mà một ngày Ngải còn tu được sáu khóa như thế, thì chúng ta là người nào mà dám lười biếng không tu được ư ?

Nam-mô A Di-Đà Phật

Thiền Chủ

THÁI-TÔN HOÀNG-ĐẾ NGỤ CHẾ KHÓA-HU QUYỀN THƯỢNG

TỰ

Nguyên phủ : tứ đại bản vô, ngũ uẩn phi hữu, do không khởi vọng, vọng sinh chủng sắc, sắc tự chân không. Thị vọng tông không, không hiện vọng, vọng sinh chủng sắc. Kì bội vô sinh vô hóa, vỉnh vi hữu hữu hóa sinh. Vô sinh hóa tắc vô hóa vô sinh, hữu hóa sinh cố hữu sinh hữu hóa. Hoặc, sinh thánh hiền ngu trí, hoặc hóa lân giáp vũ mao Thời thời một nịch ư mê-tàn, vãng vãng phiêu trầm ư khỗ-hải. Hôn hôn mộng mộng, khởi giác khởi tri ; Nhiều nhiều thông thông, bất tỉnh bất ngộ. Tân thị tủng tâm phóng khứ, Đồ vô mạch tị khiến hồi. Chỉ sử lục đạo vãng lai, Tứ sơn chắc giảng. Tứ sơn giả sinh, lão bệnh tử già. Kim tự tứ sơn chi tự gì gi quyết hậu.

KHÓA-HU GIẢNG NGHĨA

BÀI TỰA

Xét đến ngọn nguồn, thì tứ đại vốn là không, ngũ uẩn cũng chẳng có ? Bởi không khởi vọng, hòa vọng thành ra sắc, sắc tự chân-không ; cái vọng theo không không lại hiện vọng, vọng sinh ra mọi sắc. Đã trái cái lẽ không sinh không hóa, nên mới có hóa có sinh mãi mãi, không sinh không hóa thời không hóa không sinh, có hóa có sinh thời có sinh, có hóa, hoặc sinh thành hiền khôn đại hoặc sinh lòng cánh vẫy vẫy. Chim dầm ở bến mê hoại, lênh đênh trong bể khổ mãi. Mù mờ mù mịt, nào có biết có hay, luống cuống luống cuống, không sao lĩnh sao ngộ. Hết thầy đều phóng cái tâm đi không ai hay quay đầu trở lại. Đến nỗi đi lại sáu đường, lên xuống bốn núi, Bốn núi là gì ? Tức là sinh, già ốm, chết vậy. Nay sẽ lần lượt bàn rõ bốn núi, để cho sau này cùng soi.

Đại ý bài tựa này nói cái thân người ta là bởi tứ-đại (đất nước, gió, lửa) và ngũ-uẩn (sắc, thụ, tưởng, hành, thức) giả hợp mà thành. chứ xuy đến cội nguồn thì tứ-đại ngũ-uẩn cũng là không cả. Vì đang ở nơi chân không, bỗng dung khởi mỗi niệm sáng, nên thấy có sắc sáng, đã thấy sáng rồi, liền thấy mặt trái là sắc tối, rồi dần dần phân biệt sáng-mãi mà biến hiện ra muôn hình ngàn sắc, sai mất cái lý chân không bất sinh bất-diệt, mà hóa ra có sinh diệt, vì thế mà sinh hóa mãi ra, tùy theo hoặc-nghiệp, sinh ra mọi loài. Bất luận là thánh hiền khôn đại, đều cứ mãi miệt trong vòng vật-dục, không biết tỉnh lại mà nhận lại cái chỗ chân không của mình xưa, nên mới phải luận-hồi sáu ngã, chìm đắm sông mê vậy.

TỨ SƠN KỆ

Tứ sơn liễu bích vạn thanh tùng,

Liều ngộ đồ vô vạn vật không.

Hỉ đắc tư nhi tam cực lại,

Mạch tị dã sấn thượng cao phong.

NHẤT SƠN

Nhất sơn giả sinh tướng giả. Hữu sai nhất niệm, cố hiện đa đoan ; Thác hình hải tr phụ mẫu chi tình, giả dựng dục tr âm dương chi khí. Quán tam-tái nhi trung, lập vi vạn vật chi chi linh. Bất luận thượng trí hạ ngu, tận thuộc phối thái chi nội ; Khởi vấn nhất nhân triệu tính, hàm quy thạc thượng chi trung. Hoặc thái dương biểu thánh chủ chi giảng sinh ; Hoặc liệt-tú ứng hiện-thần chi đỉnh xuất. Văn hút tảo thiên quân chi chận, vũ lược thu bách chiến chi công. Nam nhi khoa chịch quả chi tư ; nữ tử sinh khuynh thành chí diêm. Nhất tiểu khuynh nhân quốc, tái tiểu khuynh nhân thế. b. Cảnh danh khoa lý, tranh dị đấu kỳ. Khán lai lồng thị luận hồi, đảo đề nan đào sinh hóa. Nhân chi sinh tướng, tuế nữi xuân thời. Cháng tam dương chi hanh thái, tân vạn vật chi tuy vinh. Nhất thiên minh mị, thôn thôn liễu lục hoa hồng ; Vạn lý phong quang, xư xư oanh đề điệp vũ.

PHÉP HỘ NIỆM

(liếp theo)

III. ĐỘ VONG

Khi có một Hội-viên nào về châu Phật, muốn làm lễ liệm theo phép Phật, mà bỏ hết những cái mê tín bùa bèn đất cát thì ban Hộ niệm nên cùng một vị Tỷ khuru (sư ông đã thụ cụ túc giới) đến trước lúc liệm, tụng cho bảy lượt chú Đại-bi rồi nhiễu quanh quan tài niệm Phật như mục Hộ niệm ở trên.

IV. TIẾP DẪN

Khi cất đám thi đề lá cờ của Hội đi trước, kể đến chư Tăng, rồi đến ban Hộ-niệm, cầm tràng phan bảo cái, và cầm chày (không đủ phước thì cứ lần chày cũng được) đi mặt niệm (niệm Phật trong lòng, không cần phải đọc to) cho thành kính đứng có đi đứng lộn sộn không ra hàng lối gì và đứng chờ nói rằm rĩ, mất vẻ chang nghiêm.

Những đám nào gần trong một vài cây số (kilomètres) thì cùng đi đến huyệt, nếu xa thì chỉ chư Tăng và một hay hai người cư sĩ đại biểu đi đến huyệt mà thôi.

Khi đám đến huyệt, chờ khi hạ huyệt xong, (nếu có điều từ thi đọc) liền đứng vòng quanh xa huyệt độ hai thước để cho người lấp cứ lấp mà chư Tăng thì cùng ban Hộ niệm đều cử hiệu chuông đọc các bài tán hương các bài chú Tịnh-nghiệp rồi tụng một biến kinh Di-Đà, 7 biến chú vãng sinh, một biến Bát-nhã tâm - kinh, kể đến bài Tụng kinh xám hối hồi hương văn, bài Lăng-nghiêm Thế-chí niệm Phật, rồi nhiễu quanh mộ (lội thi đứng một chỗ cũng được) niệm danh hiệu đức Di-Đà ba vòng, danh hiệu ngài Quán âm Thế-chí Thanh-tịnh đại hải một vòng. Đoạn đọc bài phát nguyện và tam quy như mục Hộ-niệm trên rồi tán về.

(còn nữa)



TRUYỆN
LỘC-MAU PHU NHAN

(tiếp theo và hết)

Nom cuộc thế con sinh cảm tướng,
Xin xuất gia không vướng bụi trần.
Mai ngày vượt bể trăm luân,
Tránh nơi ngũ-trược trăm phần đắng cay.
Vua liền dạy con nay nên nghĩ,
Chữ vô thường riêng chỉ con đâu.
Nay con tu luyện dài lâu,
Thời cha trông cậy vào đâu sau này.
Xin cha chờ đợi thay lòng trẻ,
Cho xuất-gia sau sẽ báo đền.
Cõi trần chen chúc nhỏ nhen,
Sao bằng cảnh Phật vô biên rộng dài.
Các bà mẹ thấy nhời khấn khoãn,
Cũng xin vua sớ soạn vườn nhà.
Cho con lời đó xuất-gia,
Hàng ngày cung cấp quả hoa cho gần.
Ơn cha mẹ tu hành sẵn chốn,
Năm trăm người tịnh tiến lạ thay.
Xuất gia chưa được mấy ngày,
Năm trăm hoàng-tử chúng ngoy bờ-đề.
Lại cùng nhau trở về nội điện,
Tâu mẹ cha xin hiền thần thông
Tung mình lên cõi hư không,
Lừng lơ nam bắc tây đông diễn trò.
Hoặc biến hóa nhấp nhô lặn mọc.
Hoặc nhỏ to ngang dọc giữa giời.
Một người lại hóa nghìn người,
Nửa trên nước dọi dưới thời lửa phun.
Phụ mẫu vương được xem phép lạ,
Rồi cùng nhau lấy lửa đốt mình.
Nát bàn chúng quả vô sinh,
Bấy giờ Lộc-mẫu tám tình đắng cay.
Thu xá-lợi bỏ ngay vào hộp,
Xây mỗi người một tháp ngụy ngụy
Còn em bé út rít nhà,

Chín mươi ngày nữa cũng ra biển hình.

Trình cha mẹ phân minh sau trước,

Rồi nát-bàn tịch diệt hư không

Lộc-vương xiết nỗi đau lòng;

Năm trăm hoàng tử nay không một người.

Hằng này hương ngát hoa tươi,

Đem ra trước tháp cúng rồi thờ than.

Rằng ta có nhiều con tu luyện,

Khi nát-bàn đều hiểu thần thông.

Nhưng mà độc thiện kỳ thân,

Chưa ai phát được đại tâm đó mà.

Độ mọi chúng thoát qua bề khổ;

Đề trang-nghiêm tịnh độ liên đài.

Nay ta phát nguyện mấy nhời,

Kiếp sau xin để một người con trai.

Kể trê-tuệ không ai bì kịp,

Độ quần sinh khỏi kiếp luân hồi.

Còn hơn sinh để nhiều người,

Mà không cứu vớt cho ai sau này.

Nhời thề ấy tới nay quả nghiệm,

Phật Thích ca thị hiện Ta-bà.

Chính cang Phật mẫu ma-gia,

Chính thân Ca diếp trước là Lộc-nương

Trong kinh chép rõ ràng là thế.

Mới hay rằng nhân-quả không sai.

Nhà khi vắng vẻ thuyên trai.

Thuật theo kinh điều dãi bài quốc: văn.

Truyện này trích ở báo ân.

Nghiệp xưa dẫy mới nhả: cần chẳng nhầm.

THÁI-HÒA

HỘI DỤC CHUÔNG CỦA CHI HỘI PHẬT-GIÀO TIỀN-HƯNG

Tiền-Hưng phủ ngày hôm nay rộ ràng với một ngày đại lễ. Tiễn-Hưng ngày hôm qua như còn miên man trong giấc ngủ in lìm của ngày tàn xưa một mỗi; ngày nay

chư đã thức giấc dậy trong những cánh lộng lấy tập nập của ngày hội Phật.

Hội Phật-giáo Tiên-Hưng đã làm lễ đức chuông và đức tượng Cửu-Long trong 3 ngày 20, 21, 22 tháng riêng.

Bức cổng chào kết hoa treo cờ với bao mỹ thuật đặt ở trung tâm diềm phố trông thẳng vào cửa phủ, khiến cho cảnh uy nghi rực rỡ càng thêm tráng lệ, vui tươi, Cổng chào đây sẽ đón rước cụ Chánh hội trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ, cùng các quan đầu tỉnh Thái-bình về dự lễ khánh thành.

3 giờ chiều ngày 20, một đám rước nguy nga trọng thể ra đón các vị thủ hiến tại đầu ngã ba.

4 giờ đúng, 1 chiếc ô tô bon bon từ đường Thái-bình chạy tới rồi đỗ lại; từ trên chiếc xe Fort 8 kiểu tới tán bước xuống, chúng tôi nhận thấy cụ Lớn Tổng-đốc trí sĩ Nguyễn-đại-Nhân chánh hội trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ, cụ lớn Tổng-đốc Thái-bình cùng 2 cụ lớn bà.

Ông Vũ-như-Trác tri-phủ cùng ông Nguyễn-kinh-Chu, Giáo-thụ, Chánh đại-lý hội Phật-giáo Tiên-Hưng và các thân hào túc chức đón chào.

Đám rước 2 vị thủ hiến quay về phủ lý.

10 phút sau 2 ngài ra chùa hội quán làm lễ khánh thành để đức chuông.

Ngôi chùa hội quán ngày nay đối với ngày trước thực là hai thái cực.

Người ta không có thể ngờ được sự tiến bộ rất mau chóng của hội Phật-giáo Bắc-kỳ.

Ngôi chùa âm-hiền mà 3 năm trước đây ai bước qua cũng phải nhận thấy những cảnh điêu tàn ngôi chùa đó nát quanh năm tiêu điều vắng vẻ. Từ ngày hội Phật-giáo Tiên-Hưng thành-lập, lấy chùa ấy làm hội quán đã sửa chữa lại nên đã nguy nga đẹp mắt.

Nhưng ta phải cảm thấy rằng trong ngôi một năm nay

ngôi chùa hội quán này mỗi ngày một mở mang to tát, lòng lẫy; tuần giảm người đi lại lễ bái và nghe diễn giảng rất đông đúc, người tụ tập nhau làm điều lành, cải hóa lại điều xấu; một phần ấy là nhờ ở công ông phủ Vũ-như-Trác đã tận tâm khuyến khích.

Chúng ta nhận thấy ông Phủ Vũ-như-Trác không những chỉ là triách-trị gia đại tài, còn là một người cầm đầu đứng khuyến hóa về tôn giáo rất giỏi.

Ông đã giắt những bộn đồng đạo ở dưới quyền cai trị trong hạt ông biết theo cái chân lý của đạo Phật mẫu nhiệm.

Ngày hội đúc tượng và chuông hôm rằm cũng là do sự nhiệt tâm khuyến hóa của ông nên bao người đều sốt sắng vì việc phật. Sư già Cần ở Nguyên-xá cùng những tín đồ của đạo phật ở trong hạt cũng đồng đúc hai quả chuông và pho tượng Cửu-Long.

Sau khi hai vị thượng khách cùng hai phủ nhân làm lễ xong ra an tọa, ông giáo thụ Nguyễn K. Chu có thay mặt hội phật giáo Tiên-hương đọc chúc từ cảm ơn 2 vị thủ hiến đã về khánh thành, và ông phủ đã nhiệt tâm về việc phật mới được thấy cái quang cảnh rực rỡ như ngày nay. Cụ Tổng-đốc tri sĩ đứng lên đáp lại và khen ngợi ông phủ. Ngài ví ông phủ Vũ-như-Trác như một ấu trưởng của đạo phật, vì ông đã biết tìm cái chân-lý sắc đáng của nhà phật. Mấy chữ tự giác giác tha có thể bao quát được những việc ông phủ đã làm.

Ngài lại khen ngợi ông giáo thụ Nguyễn-Kiên-Chu sư già Cần cùng các ông hội viên phật giáo đã hết tâm vì việc Phật.

Sau khi ở chùa ra, các ngài xem đúc chuông ở sân vận động.

Tối 21 sư cụ Tổ-Liên ở Hanoi về thuyết pháp người nói về « Từ dân với đạo Phật » giữa đám trên một nghìn người chen chúc nhau nghe.

Trong ba ngày Tiên-hưng phủ đã say xua với những trò vui: Biểu diễn các môn thể thao học sinh rước đèn.

Ba ngày ấy hội phật giáo Tiên-hưng đã tổ chức với bao sự hoàn hảo mỹ mãn.

Tràng Hưng : Bùi-văn-Đế

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Trận gió lớn tại Bắc-Kỳ

Tối ngày 15 Avril (26 tháng 2) 1939, trời đang yên lặng ước 9 giờ bỗng nổi cơn dông tố, xối dữ, mưa to gió lớn, xuất Hanoi đến Haiphong đều bị vệt gió cuốn lôi. Hộ hơn một giờ thì mới ngớt, tại Hanoi, cây đổ, cành gãy, nhà lá xập, nhà gạch mới xây bị đổ, các nơi nhà đổ đè chết mất 8 người. Tại Vạn-miếu Hanoi về mé đông đổ mất 2 cây quếo cỡ-thu to rất đáng tiếc. Giấy điện đứt nhiều quăng vương chết một người đàn bà khách. Tại Haiphong cũng đổ nhà chết một người. Còn các làng thôn quê bị taiệt hại về hoa màu rất lớn, cây cột vô tuyến điện ở Cống-Vọng cao 120 mét. toàn bằng sắt. có giấy sắt bện to căng nọc chắc chắn mà gió đánh gãy làm mấy đoạn, ở vài huyện về Hà-đông cũng có mấy người chết vì nhà đổ. Một cô gái ở Thanh-tri đang ngủ bị xà nhà rơi đè chết. Có nhiều thuyền bị đắm.

Hai cuộc bầu cử tại Saigon và Hanoi

Ở Nam-kỳ cuộc bầu cử Hội-đồng Quản-bạt đã sắp xong. Bên người Nam đã bầu được những ông : Khả Tri, Lang, Thuận, Nhung, Nhuận. Còn bên người Pháp mới bầu được 2 viên.

Ở Hanoi, số Hội-viên thành phố người Nam 6 viên đối với người Pháp 12 viên. Trong 6 viên người Nam mới bầu ra năm ngoài có 3 viên : Phan Thanh Phạm hữu Chương, Bùi ngọc Ái đã xuống nghị xin tăng số Hội-viên người Nam lên bằng số người Pháp và xin nhiều điều quyền lợi cho nhân dân ngày kỳ họp hội-đồng ban đầu. Nhưng bị xét ra ông Thành, ông Ái không có thuế môn bài thành phố và cũng vì chính kiến bất đồng nên 3 ông này xin từ chức. Nay bầu điền-khuyết, 3 ông này lại ra tranh với 4 ông Nguyễn duy Thanh, Nguyễn huy Lai. Cung đình Quý và Bùi đức Đậu. Kết quả cuộc bỏ phiếu ngày 16, ba ông Phan Thanh, Chương, Ái trúng số này không hề có đi nói với một cử tri nào. cuộc thắng số này người ta cho vinh dự về bên cử tri hơn là về người trúng cử, vì bên cử tri người Nam ngày nay đã biết vì quyền lợi mình mà kén người đề úy thác, không bị ai sui siểm, lường gạt được.

Cái án mẹ chồng giết nàng dâu

Cái ác tục mẹ chồng ngược đãi nàng dâu ở xứ này, vẫn chưa trừ bỏ hết được. Cái ác tục ấy do mẹ chồng bị ngược đãi hồi làm dâu nên nay báo thù lại kẻ sau mình Vậy ta khuyên kẻ làm mẹ chồng ngày nay nên giải phóng cho dâu con mình nhất là nên học đạo bình đẳng của Phật mà xử đãi với dâu con, kẻo tai vạ, oan báo sây ra trong gia-đình mà tội nghiệp đời đời không bao giờ hết. Thi coi cái gương mẹ chồng đánh chết con dâu ở Sadec (Nam-kỳ) vừa đây. Mẹ Đây có con giai tên là Phó, con dâu là Thị-Cánh tối về tra hỏi tiền hàng, hơi một tí là hành hạ đánh đập, trong một tháng không mấy tối thị Cánh không phải dòu hàng 5, 10 roi Mà đánh thì càng nọc ra, bắt chồng nó là tên Phó cầm roi, mẹ hỏi một câu,

con giai đánh một roi. Đã 3 năm nay thị Cánh cứ bị sự hành binh ở cái địa ngục gia-đình giữa nhân-gian như thế mà vẫn nhẫn nhục chịu lấy cho tròn phần sự làm dâu. Mới vài hôm nay, mẹ chồng kêu mất 2p.00, nhờ cho con dâu, sai con cũng nọc tra đánh suốt đêm đến thị Cánh phải chết, bỏ lại đứa con mới 8 tháng, rồi sợ tội thuê người đem xác vứt xuống sông. Nay việc bại lộ, Mụ Đầy đã bị bắt giam tại Tân-vinh-hóa.

Tuy việc hành hạ quá ác của mụ Đầy với con dâu này là việc hiếm, nhưng thường thì ít có mẹ chồng ở tử tế với con dâu và ít có con dâu ở tử tế với mẹ chồng. Ngạn đã có câu : « **Thật thà cũng thế lái trâu, yêu nhau cũng thế nâng dâu mẹ chồng** ». Đó cũng là oan oan tương báo. Vậy muốn tránh cái nỗi khổ khốn ấy cho gia-đình chỉ nên giữ lời ngạn đã dạy : « **Nâng dâu về nhà, mụ gia ra ngõ** ». Nghĩa là để con giai khôn lớn sẽ lấy vợ. Lấy vợ về thì giao-phó gia sự cho vợ chồng con mà mẹ chồng thì đi ra ngoài chơi bời hoặc làm sự sinh nhai gì để giúp cho con mà đừng chuyên quyền, thì mới mong gia đình có hạnh phúc biểu thuận hòa vui được.

VIỆC THẾ-GIỚI

Nạn nội chiến Tây ban nha thực yên

Franco đã hoàn toàn làm chủ Tây-ban-nha, quân Pnát-xít đã chiếm nhận thành Madrid từ 29 Mars 1939. Dân chúng thành Madrid, đàn bà trẻ con người lớn người già hết thấy vui mừng từ nay sống sót qua những mưa bom lửa đạn, họ hoan hô kéo nhau lũ lượt ra nhẩy nhót khắp các phố. Người ta đã tỉnh ra rằng chẳng cứ cái danh hiệu đảng phái nào, miễn là dân tộc được yên, nước còn độc lập là được, nên họ đón tiếp trào mừng quân Franco rất nhiệt liệt.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937 thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng 1\$00 để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin đứng phương danh các vị hội viên chi hội Bắc Ninh đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Nguyễn thị Bèo, cụ Ba Thệ, cụ Đồ Say, cụ cả Hoạt, cụ Lang Chung, cụ Nguyễn thị Khang, cụ Nguyễn văn Lung, Phạm thị Diệu, Lê thị Vịch, cụ Sếp lương, cụ Đốc Thăng, cụ bà thân sinh cụ Đốc Thăng, cụ Cổ Hợp, Nguyễn như Hội, cụ Hai Dẫn, cụ Quế Hồ thị Suy, Nguyễn hữu Dzy, Ngô trọng Chi, Nguyễn quý Thuận, Phạm văn Vạn, cụ Nguyễn thị Thiện, cụ Phạm thị Đam, Cụ Nguyễn thị Vạc, Nguyễn thị Chúc, Vũ đình Hiền, Ngô thế Loan, Cụ Phan yên Hà, Nguyễn văn Sĩ, Ngô thị Nghiêm, Trần đức Bích, Nguyễn thị Tam, Nguyễn khắc Mão, Trần thị Riệu, cụ Nguyễn bá Thông, cụ Nguyễn thị Dung, cụ Dương thị Hợp, Cụ Đặng đình Hanh, Nguyễn bá Huệ, cụ Nguyễn thị Các, cụ Nguyễn thiên Toàn, cụ Nguyễn thị Chiêm, cụ Nguyễn thị Đĩnh, Nguyễn thị Xương, bà Quán liễu, cụ Nguyễn hữu Trương, Quan phán Đại, Tư Tỷ, cụ Nguyễn thị Chử, Nguyễn ngọc Chác, cụ Nhiều Văn, Phạm xuân Gioãn, Chà thị Nham, Nguyễn thị Năng, Nguyễn thị Điện, Trần thị Khang, ông Cát tường, cụ Đồ lang, cụ An trà, Trần quang Bình, Trịnh trọng phúc, cụ Nguyễn hữu Tiên, cụ Nguyễn Lạc Yên, Vũ đình Bồn, Đặng ngọc Cầu, Lê văn Nghiêm, Lương hữu Nghiêm, cụ Vũ thị Thìn, Trịnh quang Đầu, Đặng văn Vịch, Vũ Bác, Phạm văn Đệ, Nguyễn thị Tâm, Phạm văn Nam, Trần huy Hân, Vũ thị Thực, Nguyễn thị Tuấn, cụ Đồ ứng, cụ Ngô đình Bích, cụ Đồ thị Thư, cụ Tú Trương, cụ Hồng, cụ Hồng ông, cụ Phan Bích, cụ Nhiều mặt, Đào thị Nhung, Quán kiễm, cụ Nguyễn thị Chấn, Lê thị Tr, cụ Nguyễn thị Đạt, Trương ngọc Cấp, Vũ thị Khuông, Vũ tá Diễm, cụ Đặng thị Quý, Cụ Nguyễn văn Tuyết, cụ Thạch quang Tiến, cụ An văn Tác, Nguyễn thị Hợp, cụ Ngô trọng lương, cụ Vũ đình Viên, Nguyễn thị Hoạt.

HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

| | |
|--|-------|
| M. M. Châu văn Hàng, Vinh long (100-122) | 1\$50 |
| Mme Xã Thọ, Phan thiết (53-59) | 2 \$0 |
| Nguyễn Truận, Thanh hóa (76-99) | 1.50 |
| Thụ Tọa Xích Liên Battambang (76-103) | 1.90 |
| Mele Hà Thị Hải, Trà Vinh (59-100) | 2.00 |
| Ngô văn Kỳ Long xuyên (76-99) | 1.50 |

Bản báo xin cảm ơn các vị đã trả tiền báo rồi, còn vị nào chưa giả xin giả nốt cho.

Cách giả tiền báo : Nếu ở gần nhà giấy thép thì xin mua mandat đề tên Ông **Quản lý Cung đình Bình** nhận ở xa nhà giấy thép không tiện mua mandat thì tính số tiền báo rồi gửi trả bằng tem cũng được (timbre 0\$06) Nếu gửi bằng tem nên gửi bảo đảm cho khỏi mất. Nếu giả bằng mandat thì sẽ dăng vào hộp thơ kỳ báo sau ; mà nếu giao cho ai thì phải lấy **giấy biên lai chính thức** (ở chỗ rằng cửa có chữ Đuốc-Tuệ lối chữ cổ tự và dấu hiệu Đuốc-Tuệ ; và chữ ký của Thủ quỹ riêng Đuốc Tuệ) nếu không đúng như trên, bản báo vẫn coi là chưa giả. Xin các Độc-giả chú ý cho, còn vị nào hai ba năm trước mà tiền báo vẫn chưa thấy giả, ray mai bản báo có thơ riêng nhắc lại mà không thấy giả nhờ thì sẽ dăng tên lên báo và định gửi báo.

Bản báo còn lại mấy số báo : từ số 76 đến số 99 vừa đủ một năm 21 số, 1er Janvier đến 15 Décembre 1938, Nay đã đóng thành lập chia làm ba hạng, hạng thường 4\$50, hạng đóng kỹ giấy mạ vàng 1\$70, hạng cực đẹp giấy da mạ vàng 2\$10, ở xa xin gửi thêm 0\$30 cước phí. Cả 24 số không đóng 1\$20 ở xa 1\$30.

Đuốc-Tuệ

GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-trưởng. Thái hà - 8p

Số 832 : Nhà in Đ. T. chùa Quán-sứ, số 73 Richaud Hanoi

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG-ĐÌNH-BÌNH